

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Luật
Tên tiếng Anh:	Law
Tên các chuyên ngành:	
Mã ngành:	7380101
Hình thức đào tạo:	Chính quy

Bình Định, 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHQN ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Luật** Mã ngành: **7380101**
Tên tiếng Anh: **Law**
Tên các chuyên ngành:
Hình thức đào tạo: **Chính quy**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Luật đạt chuẩn nghề nghiệp theo khung trình độ quốc gia bậc đại học, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp tốt, được trang bị những kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, tâm lý có liên quan đến lĩnh vực pháp luật; trang bị sâu rộng các kiến thức lý luận và thực tiễn pháp luật Việt Nam hiện hành và pháp luật quốc tế; bước đầu có định hướng chuyên sâu và rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có thể giải quyết được các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, có khả năng thích ứng tốt với môi trường hành nghề luật năng động, nhiều áp lực.

1.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Cử nhân ngành Luật có khả năng:

- Về kiến thức

+ PO1: Có hiểu biết về khoa học chính trị cơ bản như triết học Mác – Lênin; Kinh tế - chính trị Mác – Lênin; đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng, đạo đức, văn hóa Hồ Chí minh, giúp hình thành thế giới quan và phương pháp luận cho sinh viên khi tiếp cận và luận giải các vấn đề hiện đại về nhà nước và pháp luật; có hiểu

biết cơ bản về rèn luyện sức khỏe thể chất, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quốc phòng – an ninh hình thành lòng yêu nước, tự hào dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ PO2: Có hiểu biết nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn liên quan trực tiếp đến ngành đào tạo như: Xã hội học pháp luật, Tâm lý học tư pháp, Logic học, Lịch sử nhà nước và pháp luật, các học thuyết chính trị - pháp lý, tin học, ngoại ngữ, khởi nghiệp... để người học có thể vận dụng vào việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo và học tập suốt đời.

+ PO3: Có hiểu biết những vấn đề lý luận và thực tiễn về nhà nước và pháp luật nói chung; có kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành như hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế, quốc tế... để giúp người học có khả năng vận dụng để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong các lĩnh vực đời sống.

- Về kỹ năng:

+ PO4: : Có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường và công việc chuyên môn, sử dụng được các chương trình công nghệ thông tin căn bản để phục vụ cho học tập và làm việc.

+ PO5: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình – thuyết phục, lập luận, tranh luận, phản biện, phê phán; lập kế hoạch, làm việc nhóm, lãnh đạo, quản lý thời gian, phát hiện và giải quyết vấn đề, soạn thảo văn bản hành chính, tư pháp, có khả năng khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và cho người khác;

+ PO6: Có kỹ năng thực hành nghề Luật như kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp dân sự, thương mại, tranh tụng, tư vấn pháp luật, đàm phán, soạn thảo hợp đồng; kỹ năng tra cứu, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn xã hội; kỹ năng nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu về Luật học.

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm

+ PO7: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

+ PO8: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; có sáng kiến, khả năng tự định hướng, thích nghi và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường thay đổi.

+ PO9: Có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có ý thức phục vụ nhân dân, có trách nhiệm công dân; có tâm huyết với nghề luật, sống và làm việc theo pháp luật; chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm làm việc và trách nhiệm với xã hội.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Luật có thể:

- Làm việc tại các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương như: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ban ngành địa phương, các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến xây dựng chế độ, chính sách, pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, bảo đảm dịch vụ công, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; cơ quan Công an, cơ quan Thuế, Hải quan, Kiểm lâm, Biên phòng, cơ quan quản lý xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh; trong các cơ quan tư pháp như: Tòa án, Viện kiểm sát, Thi hành án.

- Làm việc tại các tổ chức chính trị, chính trị- xã hội, xã hội - nghề nghiệp như: Các cơ quan Đảng các cấp và tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức quốc tế liên chính phủ và các tổ chức quốc tế phi chính phủ ở các nước và đặc biệt tại Việt Nam (đảm nhiệm các công việc liên quan đến các lĩnh vực của công pháp quốc tế)....

- Làm việc tại các tổ chức tư vấn và dịch vụ pháp lý: Văn phòng luật sư, công ty luật, văn phòng công chứng, các trung tâm trọng tài thương mại... của Việt Nam và nước ngoài;

- Làm việc tại các doanh nghiệp: Làm việc trong các doanh nghiệp với vai trò là chuyên gia tư vấn pháp luật, chuyên gia pháp lý trong lĩnh vực thương mại, đầu tư có yếu tố nước ngoài, tư vấn và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, tham gia đàm phán ký kết các hợp đồng thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại, dân sự, các vấn đề liên quan đến việc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa...cho doanh nghiệp trong nước hoặc doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài và cho doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam, tư vấn để giải quyết các quan hệ lao động có yếu tố nước ngoài.

- Làm việc tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và nghiên cứu:

+ Đảm nhận công tác giảng dạy tại các cơ sở giáo dục và đào tạo như các học viện, trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông,...

+ Đảm nhận công tác nghiên cứu lĩnh vực chính sách, pháp luật với tư cách là nghiên cứu viên, đặc biệt là trong các viện nghiên cứu về nhà nước và pháp luật, quản lý nhà nước, các cơ sở nghiên cứu về chính trị, hành chính...

- Tự hành nghề

+ Luật sư: sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể học thêm một khóa đào tạo nghiệp vụ luật sư và trải qua thời gian tập sự theo quy định pháp luật, nếu đủ điều kiện sẽ được cấp chứng chỉ hành nghề luật sư, sau đó có thể tự mình hành nghề luật sư như tư vấn, đại diện, bào chữa...

+ Thành lập công ty luật hoặc văn phòng luật sư

+ Công chứng viên: Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tham gia khóa đào tạo hành nghề công chứng, nếu đủ điều kiện theo quy định thì người học được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm công chứng viên. Sau đó, có thể tự mình mở văn phòng công chứng để hành nghề dịch vụ công chứng.

- Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể tiếp tục học các chương trình đào tạo sau đại học để nâng cao trình độ chuyên môn như trình độ thạc sĩ, tiến sĩ Luật học, hoặc học nâng cao trình độ ở các chuyên ngành gần như thạc sĩ, tiến sĩ Quản lý nhà nước, Quản lý kinh tế, Chính trị học.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

3.1. Về kiến thức

1) PLO1: Diễn giải một cách khái quát các nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; nhận biết về các chính sách an ninh, quốc phòng, các kỹ năng chiến đấu cơ bản, biết sử dụng các loại vũ khí thông dụng; cho thấy cách thức tự rèn luyện sức khỏe và biết chơi ít nhất một môn thể thao.

2) PLO2: Chỉ ra quá trình hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật của Việt Nam, thế giới, các học thuyết chính trị - pháp lý tiêu biểu; giải thích các yếu tố tâm lý của các chủ thể pháp luật, mối quan hệ giữa pháp luật và xã hội; giải thích sự cần thiết của

khởi nghiệp hành nghề luật và rèn luyện kỹ năng giao tiếp; tổng hợp lại các kiến thức cơ bản về tin học và ngoại ngữ.

3) PLO3: Tổng hợp lại có hệ thống các chế định pháp luật của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.

4) PLO4: Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn pháp lý các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế như Luật Hiếp pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật dân sự, Luật Tố tụng dân sự, Luật Thương mại, Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế...

5) PLO5: Đánh giá hiện trạng pháp lý và thực tiễn thực thi hành một số chế định pháp luật trong các ngành luật của hệ thống pháp luật Việt Nam để đề xuất bộ giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành và bảo vệ pháp luật.

3.2. Về kỹ năng

6) PLO6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam để giao tiếp thông thường và giao tiếp một số vấn đề cơ bản về chuyên môn, đọc hiểu một số tài liệu chuyên ngành; có khả năng sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm công nghệ thông tin cơ bản để làm việc và tra cứu tài liệu.

7) PLO7: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình – thuyết phục, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; có kỹ năng lập luận, tranh luận, phản biện, phê phán; kỹ năng lập kế hoạch, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

8) PLO8: Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác; phát hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp.

9) PLO9: Có kỹ năng tìm kiếm, tra cứu, vận dụng các quy định pháp luật và kiến thức khoa học pháp lý để giải quyết các tình huống, vụ việc pháp lý phức tạp trong những bối cảnh khác nhau.

10) PLO10: Có kỹ năng thực hành nghề Luật như kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp dân sự, thương mại, tư vấn pháp luật, đàm phán, soạn thảo hợp đồng, văn bản hành chính, tư pháp.

11) PLO11: Có khả năng đánh giá tình hình, thực trạng và thực tiễn thi hành pháp luật hiện nay ở Việt Nam và có thể so sánh, đối chiếu với một số nước trong khu vực và thế giới.

12) PLO12: Có kỹ năng xác định được những vấn đề cần nghiên cứu trong lĩnh vực Luật học, viết báo cáo nghiên cứu tổng quan, xây dựng giả thiết khoa học, thu thập dữ liệu, phân tích và giải thích kết quả nghiên cứu và đưa ra kết luận.

3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

13) PLO13: Chứng tỏ khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; có khả năng tự học, tự nghiên cứu tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

14) PLO14: Có phẩm chất chính trị, sức khỏe tốt, có đạo đức nghề nghiệp; có ý thức phục vụ nhân dân; có tâm huyết với nghề luật, sống và làm việc theo pháp luật; có trách nhiệm công dân và trách nhiệm với xã hội góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.

4. THỜI GIAN HỌC TẬP VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC CHUẨN TOÀN KHÓA

4.1. Thời gian học tập chuẩn toàn khóa: 4 năm

4.2. Khối lượng kiến thức chuẩn toàn khóa: 135 tín chỉ (chưa bao gồm 3 tín chỉ GDTC và 9 tín chỉ GDQP-AN).

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục đại cương	24
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	111
- Kiến thức khối ngành và cơ sở ngành	32
- Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)	41
- Kiến thức bổ trợ	32
- Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6
Tổng	135

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Đối tượng tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Phương thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

6.2. Điều kiện tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên
- Hoàn thành các học phần giáo dục thể chất và có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin theo quy định của Nhà trường

7. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ, THANG ĐIỂM

Theo quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1487/QĐ – ĐHQN ngày 01/7/2021 của Trường Đại học Quy Nhơn

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ lên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					L T	B T	T L						
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương (24TC)					(Chưa bao gồm 3 tín chỉ GDTC và 9 tín chỉ GDQP-AN)								
Phần bắt buộc													
I.1. Khoa học chính trị và pháp luật (13TC)													
1	1130299	Triết học Mác-Lê nin	1	3	40		10			90		LLCT, L & QLNN	
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	27		6			60	1130299	LLCT, L & QLNN	
3	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6			60	1130300	LLCT, L & QLNN	
4	1130302	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4	2	27		6			60	1130301	LLCT, L & QLNN	
5	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6			60	1130302	LLCT, L & QLNN	
6	1130246	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3	2	30					60		LLCT, L & QLNN	
I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục QP-AN (12TC)				ĐK									
I.2.1. Giáo dục thể chất: Sinh viên chọn 1 trong 7 nhóm GDTC sau				3									

7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)	1	1	4			26		30		GDTC-QP	
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)	2	1	4			26		30	1120172	GDTC-QP	
9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)	3	1	4			26		30	1120173	GDTC-QP	
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)	1	1	4			26		30		GDTC-QP	
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)	2	1	4			26		30	1120175	GDTC-QP	
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)	3	1	4			26		30	1120176	GDTC-QP	
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)	1	1	4			26		30		GDTC-QP	
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)	2	1	4			26		30	1120178	GDTC-QP	
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)	3	1	4			26		30	1120179	GDTC-QP	
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)	1	1	4			26		30		GDTC-QP	
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)	2	1	4			26		30	1120181	GDTC-QP	
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)	3	1	4			26		30	1120182	GDTC-QP	
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*)	1	1	4			26		30		GDTC-QP	
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*)	2	1	4			26		30	1120184	GDTC-QP	
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*)	3	1	4			26		30	1120185	GDTC-QP	
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)	1	1	4			26		30		GDTC-QP	
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)	2	1	4			26		30	1120187	GDTC-QP	
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)	3	1	4			26		30	1120188	GDTC-QP	

25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)	1	1	4			26		30		GDTC-QP	
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)	2	1	4			26		30	1120190	GDTC-QP	
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)	3	1	4			26		30	1120191	GDTC-QP	
I.2.2. Giáo dục Quốc phòng – An ninh				9									
28	1120168	Giáo dục Quốc phòng-AN 1(*)	4	3	37		8			82		GDTC-QP	
29	1120169	Giáo dục Quốc phòng-AN 2(*)	4	2	22		8			52		GDTC-QP	
30	1120170	Giáo dục Quốc phòng-AN 3(*)	4	2	14			16		44		GDTC-QP	
31	1120171	Giáo dục Quốc phòng-AN 4(*)	4	2	4			56		36		GDTC-QP	
I.3. Ngoại ngữ (7TC)													
32	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	45					90		NN	
33	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	60					120	1090061	NN	
I.4. KHXH/Toán, KHTN – Môi trường, KH quản lý (4TC)													
34	1150422	Khởi nghiệp	5	2	20	5	10			60		TCNH-QTKD	
35	2030003	Kỹ năng giao tiếp	2	2	18		4	20		60		KHXH-NV	
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (111 TC)													
II.1 Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành (32TC)													
36	1050241	Tin học cơ sở (Xã hội)	1	3	24	6		30		90		CNTT	
37	1130341	Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý	3	2	30					60		LLCT, L & QLNN	
38	1100276	Xã hội học pháp luật	3	2	20	5	10			60		KHXH&NV	
39	1100275	Tâm lý học tư pháp	2	2	25	2	6			60		KHXH&NV	

40	1130033	Lôgic học	2	2	25		10			60		LLCT, L & QLNN	
41	1130240	Lý luận nhà nước và pháp luật	1	3	40	2	6			90		LLCT, L & QLNN	
42	1130339	Lý luận và pháp luật về quyền con người	3	2	27		6			60	1130241	LLCT, L & QLNN	
43	1130337	Những quy định chung về Luật Dân sự	1	2	20	5	10			60		LLCT, L & QLNN	
44	1130244	Luật Hình sự - Phần chung	2	3	32	10	6			90		LLCT, L & QLNN	
45	1130241	Luật Hiến pháp	1	3	40	2	6			90		LLCT, L & QLNN	
46	1130335	Luật Hành chính	2	3	35	7	6			90		LLCT, L & QLNN	
47	1130256	Công pháp quốc tế	5	3	40	2	6			90		LLCT, L & QLNN	
48	1130262	Tư pháp quốc tế	6	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
II.2 Khối kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có) (41 TC)													
II.2.1. Kiến thức ngành (28TC)													
II.2.1a. Phần bắt buộc													
49	1130360	Luật Hình sự - Phần các tội phạm	3	3	32	10	6			90	1130244	LLCT, L & QLNN	
50	1130268	Tội phạm học	7	2	30					60	1130343	LLCT, L & QLNN	
51	1130245	Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế	3	2	20	7	6			60	1130337	LLCT, L & QLNN	
52	1130250	Pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự	4	2	20	7	6			60	1130245	LLCT, L & QLNN	
53	1130343	Luật Tố tụng hình sự	4	3	32	10	6			90	1130360	LLCT, L & QLNN	
54	1130260	Luật Tố tụng dân sự	6	2	25	2	6			60	1130250	LLCT, L & QLNN	
55	1130253	Luật Tố tụng hành chính	4	2	23	4	6			60	1130335	LLCT, L & QLNN	

56	1130261	Luật Hôn nhân và gia đình	5	2	20	7	6			60		LLCT, L & QLNN	
57	1130340	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
58	1130254	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	4	2	25	5				60	1130340	LLCT, L & QLNN	
59	1130347	Pháp luật cạnh tranh	6	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
<i>II.2.1b. Phần tự chọn: 4TC/6TC</i>													
60	1130275	Luật thương mại quốc tế	5	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
61	1130267	Pháp luật về môi trường	5	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
62	1130291	Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo	5	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
<i>II.2.2. Kiến thức chuyên ngành (nếu có) (13TC)</i>													
<i>II.2.2a. Phần bắt buộc</i>													
63	1130346	Luật Lao động	6	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
64	1130342	Luật Đất đai	4	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
65	1130352	Pháp luật an sinh xã hội	7	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
66	1130344	Pháp luật tài chính	5	3	40	5				90		LLCT, L & QLNN	
<i>II.2.2b. Phần tự chọn: 4TC/6TC</i>													
67	1130277	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	7	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
68	1130353	Pháp luật về thương mại điện tử	7	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
69	1130269	Pháp luật về du lịch	7	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
<i>II.3. Kiến thức bổ trợ (32TC)</i>													
<i>Các học phần bắt buộc</i>													

II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp												
70	1130257	Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật	3	2	20	5	10			60		LLCT, L & QLNN
71	1130349	Xây dựng và ban hành văn bản hành chính, tư pháp	6	2	20			20		60		LLCT, L & QLNN
72	1130348	Pháp luật về luật sư, công chứng, chứng thực và thừa phát lại	6	2	30					60		LLCT, L & QLNN
73	1130345	Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính	6	2	20			20		60		LLCT, L & QLNN
74	1130264	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	7	2	25			10		60	1130254	LLCT, L & QLNN
75	1130354	Rèn luyện nghiệp vụ tổ tụng	7	2	20			20		60	1130260	LLCT, L & QLNN
76	1130350	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự	7	2	20			20		60	1130260	LLCT, L & QLNN
77	1130247	Phương pháp nghiên cứu và lập luận trong khoa học pháp lý	4	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN
78	1130289	Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự	5	2	25	2	6			60	1130343	LLCT, L & QLNN
79	1130276	Nghiệp vụ thư ký tòa án	6	2	20			20		60		LLCT, L & QLNN
80	1130271	Kỹ năng tư vấn pháp luật	7	2	25			10		60		LLCT, L & QLNN
81	1130351	Kỹ năng tranh tụng	7	2	20			20		60	1130343	LLCT, L & QLNN
82	1130258	Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	4	2	30					60		LLCT, L & QLNN
II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp												
83	1130272	Thực tế chuyên môn	6	1					TT			LLCT, L & QLNN
84	1130283	Thực tập tốt nghiệp	8	5					TT	90	1130354	LLCT, L & QLNN

II.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế												
85	1130359	Khóa luận tốt nghiệp	8	6				180	KL	180		LLCT, L & QLNN
	Học phần thay thế		8	6								
	Học phần bắt buộc			2								
86	1130355	Luật Đầu tư	8	2	25	5				60	1130254	LLCT, L & QLNN
	Học phần tự chọn 4TC/8TC		8	4								
87	1130259	Pháp luật Cộng đồng ASEAN	8	2	25	5				60	1130256	LLCT, L & QLNN
88	1130358	Pháp luật về thi hành án	8	2	25	5				60	1130260 1130343	LLCT, L & QLNN
89	1130357	Pháp luật sở hữu trí tuệ	8	2	25	5				60	1130250	LLCT, L & QLNN
90	1130356	Luật Ngân hàng	8	2	25	5				60	1130254	LLCT, L & QLNN
Tổng cộng				135								

Ghi chú: (*) – Học phần điều kiện

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (dự kiến)

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1130299	Triết học Mác – Lênin	3	40		10			90		LLCT, L & QLNN	
2	1130240	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	40	2	6			90		LLCT, L & QLNN	
3	1090061	Tiếng Anh 1	3	45					90		NN	
4	1130241	Luật Hiến pháp	3	40	2	6			90		LLCT, L & QLNN	
5	1130337	Những quy định chung về Luật Dân sự	2	20	5	10			60		LLCT, L & QLNN	
6	1050241	Tin học cơ sở (Xã hội)	3	24	6		30		90		CNTT	

Chọn 1 trong 7 học phần GDTC											ĐK
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)	1	4			26				GDTC-QP
8	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)	1	4			26				GDTC-QP
9	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)	1	4			26				GDTC-QP
10	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)	1	4			26				GDTC-QP
11	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*)	1	4			26				GDTC-QP
12	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)	1	4			26				GDTC-QP
13	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)	1	4			26				GDTC-QP
TỔNG CỘNG: 18TC (17BB+0TC) và 01 GDTC			18								

Ghi chú: (*) – Học phần điều kiện

Học kỳ 2:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1130300	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	27		6			60	1130299	LLCT, L & QLNN	
2	1090166	Tiếng Anh 2	4	60					120	1090061	NN	
3	1130335	Luật Hành chính	3	35	7	6			90		LLCT, L & QLNN	
4	1130244	Luật Hình sự - Phần chung	3	32	10	6			90		LLCT, L & QLNN	
5	2030003	Kỹ năng giao tiếp	2	18		4	20		60			
6	1130033	Lô gic học	2	25		10			60		LLCT, L & QLNN	

7	1100275	Tâm lý học tư pháp	2	25	2	6			60		KHXXH & NV	
Chọn 1 trong 7 học phần GDTC												
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)	1	4			26		21	1120172	GDTC-QP	
9	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)	1	4			26		21	1120175	GDTC-QP	
10	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)	1	4			26			1120178	GDTC-QP	
11	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)	1	4			26		21	1120181	GDTC-QP	
12	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*)	1	4			26		21	1120184	GDTC-QP	
13	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)	1	4			26		21	1120187	GDTC-QP	
14	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)	1	4			26		21	1120190	GDTC-QP	
TỔNG CỘNG: 19 TC (18BB+0TC) và 01GDTC			19									

Ghi chú: (*) – Học phân điều kiện
Học kỳ 3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27		6			60	1130300	LLCT, L & QLNN	
2	1130246	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	30					60		LLCT, L & QLNN	
3	1130341	Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý	2	30					60		LLCT, L & QLNN	

4	1130245	Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế	2	20	7	6		60	1130337	LLCT, L & QLNN	
5	1130360	Luật Hình sự - Phần các tội phạm	3	32	10	6		90	1130244	LLCT, L & QLNN	
6	1130340	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	2	25	5			60		LLCT, L & QLNN	
7	1100276	Xã hội học pháp luật	2	20	5	10		60		KHXXH & NV	
8	1130339	Lý luận và pháp luật về quyền con người	2	27		6		60	1130241	LLCT, L & QLNN	
9	1130257	Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật	2	20	5	10		60		LLCT, L & QLNN	
<i>Chọn 1 trong 7 học phần GDTC</i>											
10	1120174	<i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)</i>	1	4			2 6	21	1120173	GDTC-QP	
11	1120177	<i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)</i>	1	4			2 6	21	1120176	GDTC-QP	
12	1120180	<i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)</i>	1	4			2 6	21	1120179	GDTC-QP	
13	1120183	<i>Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)</i>	1	4			2 6	21	1120182	GDTC-QP	
14	1120186	<i>Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*)</i>	1	4			2 6	21	1120185	GDTC-QP	
15	1120189	<i>Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)</i>	1	4			2 6	21	1120188	GDTC-QP	
16	1120192	<i>Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)</i>	1	4			2 6	21	1120191	GDTC-QP	
TỔNG CỘNG: 20TC (19BB+0TC) và 01 GDTC			20								

Ghi chú: (*) – Học phần điều kiện

Học kỳ 4:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khá c (TT,	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						

								ĐA, BTL)				
1	1130302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	27		6			60	1130301	LLCT, L & QLNN	
2	1130247	Phương pháp nghiên cứu và lập luận trong khoa học pháp lý	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
3	1130250	Pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự	2	20	7	6			60	1130245	LLCT, L & QLNN	
4	1130253	Luật Tổ tụng hành chính	2	23	4	6			60	1130335	LLCT, L & QLNN	
5	1130254	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	25	5				60	1130340	LLCT, L & QLNN	
6	1130258	Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	30					60		LLCT, L & QLNN	
7	1130343	Luật Tổ tụng hình sự	3	32	10	6			90	1130360	LLCT, L & QLNN	
8	1130342	Luật Đất đai	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
9	1120095	<i>Giáo dục quốc phòng-An ninh 1(*)</i>	3	37		8			82		GDTC-QP	ĐK
10	1120096	<i>Giáo dục quốc phòng-An ninh 2(*)</i>	2	22		8			52		GDTC-QP	ĐK
11	1120097	<i>Giáo dục quốc phòng-An ninh 3(*)</i>	2	14			16		44		GDTC-QP	ĐK
12	1120097	<i>Giáo dục quốc phòng-An ninh 4(*)</i>	2	4			56		36		GDTC-QP	ĐK
TỔNG CỘNG: 26TC (17BB+0TC) và 09GDQP-AN			26									

Học kỳ 5:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/ TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						

Các học phần bắt buộc			14								
1	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	27		6			60	1130302	LLCT, L & QLNN
2	1130256	Công pháp quốc tế	3	40	2	6			90		LLCT, L & QLNN
3	1130344	Pháp luật tài chính	3	40	5				90		LLCT, L & QLNN
4	1130261	Luật Hôn nhân và gia đình	2	20	7	6			60		LLCT, L & QLNN
5	1150422	Khởi nghiệp	2	20	5	10			60		LLCT, L & QLNN
6	1130289	Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự	2	25	2	6			90	1130343	LLCT, L & QLNN
7	Các học phần tự chọn: chọn 4TC/6 TC		4								LLCT, L & QLNN
8	1130275	Luật thương mại quốc tế	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN
9	1130267	Pháp luật về môi trường	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN
10	1130291	Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN
TỔNG CỘNG: 18TC (14BB+4TC)			18								

Học kỳ 6:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1130262	Tư pháp quốc tế	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
2	1130260	Luật Tố tụng dân sự	2	25	2	6			60	1130250	LLCT, L & QLNN	
3	1130346	Luật Lao động	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
4	1130349	Xây dựng và ban hành văn bản	2	20			20		60		LLCT, L	

		hành chính, tư pháp									& QLNN	
5	1130348	Pháp luật về luật sư, công chứng, chứng thực và thừa phát lại	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
6	1130347	Pháp luật cạnh tranh	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
7	1130345	Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính	2	20			20		60		LLCT, L & QLNN	
8	1130276	Nghị quyết vụ thư ký tòa án	2	20			20		60		LLCT, L & QLNN	
9	1130272	Thực tế chuyên môn	1					TT			LLCT, L & QLNN	
TỔNG CỘNG: 17TC (17BB+0TC)			17									

Học kỳ 7:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
Các học phần bắt buộc			14									
1	1130354	Rèn luyện nghiệp vụ tổ tụng	2	20			20		60	1130260	LLCT, L & QLNN	
2	1130268	Tội phạm học	2	30					60	1130343	LLCT, L & QLNN	
3	1130351	Kỹ năng tranh tụng	2	20			20		60	1130343	LLCT, L & QLNN	
4	1130264	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2	25			10		60	1130254	LLCT, L & QLNN	
5	1130350	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự	2	20			20		30	1130260	LLCT, L & QLNN	
6	1130352	Pháp luật an sinh xã hội	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
7	1130271	Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	25			10		60		LLCT, L & QLNN	
Các học phần tự chọn: chọn 4TC/6 TC			4									
8	1130277	Pháp luật về kinh doanh bất động	2	27	3				60		LLCT, L	

		sản									& QLNN	
9	1130353	Pháp luật về thương mại điện tử	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
10	1130269	Pháp luật về du lịch	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
TỔNG CỘNG: 18TC (14BB+4TC)			18									

Học kỳ 8:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1130283	Thực tập tốt nghiệp	5					TT	90	1130345	LLCT, L & QLNN	
Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp												
2	1130359	Khóa luận tốt nghiệp	6				180	KL	180		LLCT, L & QLNN	
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (6TC)												
	<i>Học phần bắt buộc</i>		2									
3	1130355	Luật Đầu tư	2	25	5				60	1130254	LLCT, L & QLNN	
	<i>Học phần tự chọn 4TC/8TC</i>		4									
4	1130259	Pháp luật Cộng đồng ASEAN	2	25	5				60	1130256	LLCT, L & QLNN	
5	1130358	Pháp luật về thi hành án	2	25	5				60	1130260 1130343	LLCT, L & QLNN	
6	1130357	Pháp luật sở hữu trí tuệ	2	25	5				60	1130250	LLCT, L & QLNN	
7	1130356	Luật Ngân hàng	2	25	5				60	1130254	LLCT, L & QLNN	
TỔNG CỘNG: 11TC (7BB+4TC)			11									

10. MA TRẬN THỂ HIỆN SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO PLOs

STT	Mã HP	Tên HP	PLOs													
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	1130299	Triết học Mác – Lênin	M	L	L				M					L	L	H
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	M	L	L				M					L	L	H
3	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	M	L	L				M					L	L	H
4	1130302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	M				M		M						L	H
5	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	M						M		M				M	M
6	1130246	Lịch sử nhà nước và pháp luật	L	H	L				M						L	M
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)	H	L					L						M	H
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	H	L					L						M	H
9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)	H	L					L						M	H
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)	H	L					L						M	H
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)	H	L					L						M	H
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)	H	L					L						M	H
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	H	L					L						M	H
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	H	L					L						M	H
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	H	L					L						M	H
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	H	L					L						M	H
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	H	L					L						M	H
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	H	L					L						M	H
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	H	L					L						M	H
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	H	L					L						M	H
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	H	L					L						M	H

		truyền Việt Nam 3)														
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	H	L					L						M	H
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	H	L					L						M	H
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	H	L					L						M	H
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	H	L					L						M	H
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	H	L					L						M	H
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	H	L					L						M	H
28	1120168	Giáo dục Quốc phòng-AN 1	M						L						L	H
29	1120169	Giáo dục Quốc phòng -AN 2	M						L						L	H
30	1120170	Giáo dục Quốc phòng-AN 3	M						L						L	H
31	1120171	Giáo dục Quốc phòng-AN 4	M						L						L	H
32	1090061	Tiếng Anh 1		M				H	M			L		M		
33	1090166	Tiếng Anh 2		M				H	M			L		M		
34	1150422	Khởi nghiệp		H					M	M		M			L	M
35	2030003	Kỹ năng giao tiếp		H					M			M			L	
36	1050241	Tin học cơ sở (Xã hội)		H				M	M		M	M		M	L	
37	1130341	Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý	M	H	M		L		L				L		L	
38	110027 6	Xã hội học pháp luật		H	M	L	L		L			L			L	
39	110027 5	Tâm lý học tư pháp	L	H					L			M			L	
40	113003 3	Logic học		H	M	M	M							M	L	
41	113024 0	Lý luận nhà nước và pháp luật	M		H	L			M		L			L	M	M

42	113033 9	Lý luận và pháp luật về quyền con người			H	M			M		M		L		M	M
43	113033 7	Những quy định chung về Luật dân sự			H	M		L	M		M		L		L	M
44	113024 4	Luật Hình sự - Phần chung			H	M		L	M		M		L		L	M
45	113024 1	Luật Hiến pháp			H	M		L	M		M		L		L	M
46	113033 5	Luật Hành chính			H	M		L	M		M		L		L	M
47	113025 6	Công pháp quốc tế			H	M		L	M		M		L		L	M
48	113026 2	Tư pháp quốc tế			H	M		L	M		M		L		L	M
49	113036 0	Luật Hình sự - Phần các tội phạm			H	M	L		M		M	L	L	L	M	M
50	113026 8	Tội phạm học		L	M	M	L		M				H		M	
51	113024 5	Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế			H	M	L	L	M		H	L	L		L	H
52	113025 0	Pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự			H	M	L	L	M		H	L	L	M	L	H
53	113034 3	Luật Tố tụng hình sự			H	M			M		M	L			M	M
54	113026 0	Luật Tố tụng dân sự			H	M			M		M	L			M	M
55	113025 3	Luật Tố tụng hành chính			H	M			M		M	L			M	M
56	113026 1	Luật Hôn nhân và gia đình			H	H			M		H	M			M	H
57	1130340	Pháp luật về chủ thể kinh doanh			H	M			M	L	M	L		L	M	H
58	1130254	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ			H	M	L	L	M		H	M		L	M	H
59	1130347	Pháp luật cạnh tranh			H	M		L	M		M	L	L			M
60	1130275	Luật thương mại quốc tế			H	M		M	L		M	L	L		M	M

61	1130267	Pháp luật về môi trường			H	M	L		M		H			M	M	
62	1130291	Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo			H	M	L		M		H	M			M	H
63	1130346	Luật lao động			H	H			M		H	L	L		L	H
64	1130342	Luật đất đai			H	M	L		M		M	L		M	M	M
65	1130352	Pháp luật an sinh xã hội			H	M			M		H	M	L			M
66	1130344	Pháp luật tài chính			H	M			M		M	L	L		L	M
67	1130277	Pháp luật về kinh doanh bất động sản			H	M			M		M	M	L		L	H
68	1130353	Pháp luật về thương mại điện tử			H	M	M		M		H	L	L		L	M
69	1130269	Pháp luật về du lịch			H	M			M		H		L		M	M
70	1130257	Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật			M	M		M	M		H	M			L	M
71	1130349	Xây dựng và ban hành văn bản hành chính và tư pháp			M	M		M	M		H	M			L	M
72	1130348	Pháp luật về luật sư, công chứng, chứng thực và thừa phát lại			H	L	L		M	M	H	L			L	H
73	1130345	Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính			H	M			M	L	H	M			M	H
74	1130264	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng			H	L		L	M	L	H				H	M
75	1130354	Rèn luyện nghiệp vụ tổ tụng			H	H	L		H	M	H	M	L		H	H
76	1130350	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự			H	H	L		H	M	H	M	L		H	H
77	1130247	Phương pháp nghiên cứu và lập luận trong khoa học pháp lý	L	L	L	M			H		L	M				
78	1130289	Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự			M			L	M	L	H	M			H	H
79	1130276	Nghiệp vụ thư ký tòa án			H			L	M	M	H	M			H	H
80	1130271	Kỹ năng tư vấn pháp luật			H	H			H	M	H	H	M		H	H
81	1130351	Kỹ năng tranh tụng			H	H			L	L	H	M			M	H

83	113027 2	Thực tế chuyên môn			H	M	M			M			L	M	M	M
84	113028 3	Thực tập tốt nghiệp			H	H	M	L	H	M	H	M	M	M	H	H
85	1130359	Khóa luận tốt nghiệp	M	M	H	H	M	M	H	M	H	M	M	M	H	H
86	1130355	Luật Đầu tư			H	M		L	M		H	L			M	H
87	1130259	Pháp luật Cộng đồng ASEAN			H	M		L	M		H				L	M
88	1130358	Pháp luật về thi hành án			H	M			M		H				L	M
89	1130357	Pháp luật sở hữu trí tuệ			H	H		L	M		H	L	L		L	H
90	1130356	Luật Ngân hàng			H	H		L	M		M	L	L		M	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh 2022 cho sinh viên ngành Luật.

- Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, Khoa sẽ tư vấn cho sinh viên chọn những học phần thích hợp.

- Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

- Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật ít nhất 2 năm một lần, đáp ứng sự phát triển của ngành Luật và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội./.

Bình Định, ngày 13 tháng 9 năm 2022

TRƯỜNG KHOA


PGS. Đoàn Thế Hùng

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VÀ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Luật
Tên tiếng Anh:	Law
Tên các chuyên ngành:	
Mã ngành:	7380101
Hình thức đào tạo:	Chính quy

Bình Định, 2022

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHQN ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Luật

Mã ngành: 7380101

Tên tiếng Anh: Law

Tên các chuyên ngành:

Hình thức đào tạo: Chính quy

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Luật, mã ngành: 7380101 có khối kiến thức toàn khóa gồm 135 tín chỉ chưa bao gồm phần kiến thức về giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và giáo dục quốc phòng – an ninh (9 tín chỉ). Về cấu trúc chương trình gồm: Khối kiến thức giáo dục đại cương: 24 tín chỉ (chiếm tỉ lệ 17,78%); Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 111 tín chỉ (chiếm 82,22%) bao gồm: Kiến thức khối ngành và cơ sở ngành: 32 tín chỉ (chiếm 28,83%), kiến thức ngành và chuyên ngành: 41 tín chỉ (chiếm 36,93%) và kiến thức bổ trợ: 32 tín chỉ (chiếm 28,83%) và khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế: 6 tín chỉ (chiếm 5,41%).

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Luật
2. Mã ngành đào tạo	7380101
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân
5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	135
7. Khoa quản lý	Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước
8. Hình thức đào tạo	Chính quy
9. Thời gian đào tạo	04 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Quy chế tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn

11. Thang điểm đánh giá	10
12. Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên - Đã hoàn thành các học phần giáo dục thể chất và có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh - Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin theo quy định của Nhà trường
13. Vị trí việc làm	- Làm việc tại các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương như: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ban ngành địa phương, các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến xây dựng chế độ, chính sách, pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, bảo đảm dịch vụ công, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; cơ quan Công an, cơ quan Thuế, Hải quan, Kiểm lâm, Biên phòng, cơ quan quản lý xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh; trong các cơ quan tư pháp như: Tòa án, Viện kiểm sát, Thi hành

án.

- Làm việc tại các tổ chức chính trị, chính trị- xã hội, xã hội - nghề nghiệp như: Các cơ quan Đảng các cấp và tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức quốc tế liên chính phủ và các tổ chức quốc tế phi chính phủ ở các nước và đặc biệt tại Việt Nam (đảm nhiệm các công việc liên quan đến các lĩnh vực của công pháp quốc tế)....

- Làm việc tại các tổ chức tư vấn và dịch vụ pháp lý: Văn phòng luật sư, công ty luật, văn phòng công chứng, các trung tâm trọng tài thương mại... của Việt Nam và nước ngoài;

- Làm việc tại các doanh nghiệp: Làm việc trong các doanh nghiệp với vai trò là chuyên gia tư vấn pháp luật, chuyên gia pháp lý trong lĩnh vực thương mại, đầu tư có yếu tố nước ngoài, tư vấn và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, tham gia đàm phán ký kết các hợp đồng thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại, dân sự, các vấn đề liên quan đến việc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, nhãn

hiệu hàng hóa...cho doanh nghiệp trong nước hoặc doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài và cho doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam, tư vấn để giải quyết các quan hệ lao động có yếu tố nước ngoài.

- Làm việc tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và nghiên cứu:

+ Đảm nhận công tác giảng dạy tại các cơ sở giáo dục và đào tạo như các học viện, trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông,...

+ Đảm nhận công tác nghiên cứu lĩnh vực chính sách, pháp luật với tư cách là nghiên cứu viên, đặc biệt là trong các viện nghiên cứu về nhà nước và pháp luật, quản lý nhà nước, các cơ sở nghiên cứu về chính trị, hành chính...

- Tự hành nghề

+ Luật sư: sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể học thêm một khóa đào tạo nghiệp vụ luật sư và trải qua thời gian tập sự theo quy định pháp luật, nếu đủ điều kiện sẽ được cấp chứng chỉ hành nghề luật sư, sau

	đó có thể tự mình hành nghề luật sư như tư vấn, đại diện, bào chữa... + Thành lập công ty luật hoặc văn phòng luật sư + Công chứng viên: Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tham gia khóa đào tạo hành nghề công chứng, nếu đủ điều kiện theo quy định thì người học được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm công chứng viên. Sau đó, có thể tự mình mở văn phòng công chứng để hành nghề dịch vụ công chứng.
14. Học tập nâng cao trình độ	- Tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, công chứng viên... - Học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan. - Học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của các chuyên ngành luật, quản lý nhà nước, hành chính công, chính sách công, chính trị học tại các trường đại học trong và ngoài nước.
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	- Chương trình đào tạo ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Luật – Đại học Huế
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Tháng 7/2022

1.3. Sứ mệnh - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục

Trường Đại học Quy Nhơn đã cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, theo Quyết định số 120/QĐCEA.UD ngày 12/7/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD – Đại học Đà Nẵng

1.3.1. Sứ mệnh - Tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn

Sứ mệnh:

Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ – Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Tầm nhìn:

Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là Trường Đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.

Giá trị cốt lõi:

Trách nhiệm – Chuyên nghiệp – Chất lượng – Sáng tạo – Nhân văn

1.3.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệp

Toàn diện: Đào tạo người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực.

Khai phóng: Phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; giúp người học chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời.

Thực nghiệp: Đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; giúp người học thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành Luật:

Chương trình đào tạo ngành Luật			Triết lý giáo dục của DQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	x		
		Các học phần KHXX/KHTN-MT, KH Quản lý, Ngoại ngữ, Tin học		x	x
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết	x	x	
		Các học phần thí nghiệm, thực hành			
	Khối kiến thức chuyên ngành	Các học phần lý thuyết	x	x	x
		Các học phần thực tập, thực tế	x	x	x
	Khóa luận/đồ án tốt nghiệp		x	x	x
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên		x	x	x
	Thi hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng,		x	x	x
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh)		x		x
	Hiển máu nhân đạo		x	x	
	Hoạt động vì người nghèo		x	x	
					
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Diễn giải một cách khái quát các nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; nhận biết về các chính sách an ninh, quốc phòng, các kỹ năng chiến đấu cơ bản, biết sử dụng các loại vũ khí thông dụng; cho thấy cách thức tự rèn luyện sức khỏe và biết chơi ít nhất một môn thể thao.	x		
	PLO2	Chỉ ra quá trình hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật của Việt Nam, thế giới, các học thuyết chính trị - pháp lý tiêu biểu; giải thích các yếu tố tâm lý của các chủ thể pháp luật, mối quan hệ giữa pháp luật và xã hội; giải thích sự cần thiết của khởi nghiệp hành nghề luật và rèn luyện kỹ năng giao tiếp; tổng hợp lại các kiến thức cơ bản về tin học và ngoại ngữ.	x		

PLO3	Tổng hợp lại có hệ thống các chế định pháp luật của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.	x		x
PLO4	Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn pháp lý các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế như Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật dân sự, Luật Tố tụng dân sự, Luật Thương mại, Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế...	x	x	x
PLO5	Đánh giá hiện trạng pháp lý và thực tiễn thực thi hành một số chế định pháp luật trong các ngành luật của hệ thống pháp luật Việt Nam để đề xuất bộ giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành và bảo vệ pháp luật.	x		x
PLO6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam để giao tiếp thông thường và giao tiếp một số vấn đề cơ bản về chuyên môn, đọc hiểu một số tài liệu chuyên ngành; có khả năng sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm công nghệ thông tin cơ bản để làm việc và tra cứu tài liệu.	x	x	x
PLO7	Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình – thuyết phục, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; có kỹ năng lập luận, tranh luận, phản biện, phê phán; kỹ năng lập kế hoạch, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	x	x	x
PLO8	Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác; phát hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp.	x		x

PLO9	Có kỹ năng tìm kiếm, tra cứu, vận dụng các quy định pháp luật và kiến thức khoa học pháp lý để giải quyết các tình huống, vụ việc pháp lý phức tạp trong những bối cảnh khác nhau.	x		x
PLO10	Có kỹ năng thực hành nghề Luật như kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp dân sự, thương mại, tư vấn pháp luật, đàm phán, soạn thảo hợp đồng, văn bản hành chính, tư pháp.	x	x	x
PLO11	Có khả năng đánh giá tình hình, thực trạng và thực tiễn thi hành pháp luật hiện nay ở Việt Nam và có thể so sánh, đối chiếu với một số nước trong khu vực và thế giới.	x		x
PLO12	Có kỹ năng xác định được những vấn đề cần nghiên cứu trong lĩnh vực Luật học, viết báo cáo nghiên cứu tổng quan, xây dựng giả thiết khoa học, thu thập dữ liệu, phân tích và giải thích kết quả nghiên cứu và đưa ra kết luận.	x		x
PLO13	Chứng tỏ khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; có khả năng tự học, tự nghiên cứu tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	x	x	
PLO14	Có phẩm chất chính trị, sức khỏe tốt, có đạo đức nghề nghiệp; có ý thức phục vụ nhân dân; có tâm huyết với nghề luật, sống và làm việc theo pháp luật; có trách nhiệm công dân và trách nhiệm với xã hội góp	x		x

		phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.			
--	--	---	--	--	--

1.3.3. Sức mệnh - Tầm nhìn của Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước

Sức mệnh:

Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước, Trường Đại học Quy Nhơn có sứ mệnh thực hiện hoạt động đào tạo, nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng về các lĩnh vực lý luận chính trị, pháp luật và quản lý nhà nước nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu xã hội.

Tầm nhìn:

Đến năm 2030, Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước, Trường Đại học Quy Nhơn trở thành đơn vị đào tạo theo định hướng ứng dụng có chất lượng, uy tín trong nước.

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Luật đạt chuẩn nghề nghiệp theo khung trình độ quốc gia bậc đại học, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp tốt, được trang bị những kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, tâm lý có liên quan đến lĩnh vực pháp luật; trang bị sâu rộng các kiến thức lý luận và thực tiễn pháp luật Việt Nam hiện hành và pháp luật quốc tế; bước đầu có định hướng chuyên sâu và rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có thể giải quyết được các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, có khả năng thích ứng tốt với môi trường hành nghề luật năng động, nhiều áp lực.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Cử nhân ngành Luật có khả năng:

- Về kiến thức

+ PO1: Có hiểu biết về khoa học chính trị cơ bản như triết học Mác – Lênin; Kinh tế - chính trị Mác – Lênin; đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng, đạo đức, văn hóa Hồ Chí minh, giúp hình thành thế giới quan và phương pháp luận cho sinh viên khi tiếp cận và luận giải các vấn đề hiện đại về nhà nước và pháp luật; có hiểu biết cơ bản về rèn luyện sức khỏe thể chất, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quốc phòng – an ninh hình thành lòng yêu nước, tự hào dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ PO2: Có hiểu biết nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn liên quan trực tiếp đến ngành đào tạo như: Xã hội học pháp luật, Tâm lý học tư pháp, Logic học, Lịch sử nhà nước và pháp luật, các học thuyết chính trị - pháp lý, tin học, ngoại ngữ, khởi nghiệp...để

người học có thể vận dụng vào việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo và học tập suốt đời.

+ PO3: Có hiểu biết những vấn đề lý luận và thực tiễn về nhà nước và pháp luật nói chung; có kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành như hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế, quốc tế... để giúp người học có khả năng vận dụng để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong các lĩnh vực đời sống.

- Về kỹ năng:

+ PO4: : Có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường và công việc chuyên môn, sử dụng được các chương trình công nghệ thông tin căn bản để phục vụ cho học tập và làm việc.

+ PO5: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình – thuyết phục, lập luận, tranh luận, phản biện, phê phán; lập kế hoạch, làm việc nhóm, lãnh đạo, quản lý thời gian, phát hiện và giải quyết vấn đề, soạn thảo văn bản hành chính, tư pháp, có khả năng khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và cho người khác;

+ PO6: Có kỹ năng thực hành nghề Luật như kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp dân sự, thương mại, tranh tụng, tư vấn pháp luật, đàm phán, soạn thảo hợp đồng; kỹ năng tra cứu, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn xã hội; kỹ năng nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu về Luật học.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO7: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

+ PO8: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; có sáng kiến, khả năng tự định hướng, thích nghi và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường thay đổi.

+ PO9: Có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có ý thức phục vụ nhân dân, có trách nhiệm công dân; có tâm huyết với nghề luật, sống và làm việc theo pháp luật; chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm làm việc và trách nhiệm với xã hội.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

1.5.1. Về kiến thức

1) PLO1: Diễn giải một cách khái quát các nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; nhận biết về các chính sách an ninh, quốc phòng, các kỹ năng chiến đấu cơ bản, biết sử dụng các loại vũ khí thông dụng; cho thấy cách thức tự rèn luyện sức khỏe và biết chơi ít nhất một môn thể thao.

2) PLO2: Chỉ ra quá trình hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật của Việt Nam, thế giới, các học thuyết chính trị - pháp lý tiêu biểu; giải thích các yếu tố tâm lý của các chủ thể pháp luật, mối quan hệ giữa pháp luật và xã hội; giải thích sự cần thiết của khởi nghiệp hành nghề luật và rèn luyện kỹ năng giao tiếp; tổng hợp lại các kiến thức cơ bản về tin học và ngoại ngữ.

3) PLO3: Tổng hợp lại có hệ thống các chế định pháp luật của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.

4) PLO4: Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn pháp lý các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế như Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật dân sự, Luật Tố tụng dân sự, Luật Thương mại, Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế...

5) PLO5: Đánh giá hiện trạng pháp lý và thực tiễn thực thi hành một số chế định pháp luật trong các ngành luật của hệ thống pháp luật Việt Nam để đề xuất bộ giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành và bảo vệ pháp luật.

1.5.2. Về kỹ năng

6) PLO6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam để giao tiếp thông thường và giao tiếp một số vấn đề cơ bản về chuyên môn, đọc hiểu một số tài liệu chuyên ngành; có khả năng sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm công nghệ thông tin cơ bản để làm việc và tra cứu tài liệu.

7) PLO7: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình – thuyết phục, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; có kỹ năng lập luận, tranh luận, phản biện, phê phán; kỹ năng lập kế hoạch, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

8) PLO8: Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác; phát hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp.

9) PLO9: Có kỹ năng tìm kiếm, tra cứu, vận dụng các quy định pháp luật và kiến thức khoa học pháp lý để giải quyết các tình huống, vụ việc pháp lý phức tạp trong những bối cảnh khác nhau.

10) PLO10: Có kỹ năng thực hành nghề Luật như kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp dân sự, thương mại, tư vấn pháp luật, đàm phán, soạn thảo hợp đồng, văn bản hành

chính, tư pháp.

11) PLO11: Có khả năng đánh giá tình hình, thực trạng và thực tiễn thi hành pháp luật hiện nay ở Việt Nam và có thể so sánh, đối chiếu với một số nước trong khu vực và thế giới.

12) PLO12: Có kỹ năng xác định được những vấn đề cần nghiên cứu trong lĩnh vực Luật học, viết báo cáo nghiên cứu tổng quan, xây dựng giả thiết khoa học, thu thập dữ liệu, phân tích và giải thích kết quả nghiên cứu và đưa ra kết luận.

1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

13) PLO13: Chứng tỏ khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; có khả năng tự học, tự nghiên cứu tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

14) PLO14: Có phẩm chất chính trị, sức khỏe tốt, có đạo đức nghề nghiệp; có ý thức phục vụ nhân dân; có tâm huyết với nghề luật, sống và làm việc theo pháp luật; có trách nhiệm công dân và trách nhiệm với xã hội góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
PO1	x		x	x			x					x		x
PO2		x		x		x	x	x	x				x	
PO3			x	x			x	x	x		x		x	x
PO4			x		x	x				x	x	x		
PO5		x	x	x	x		x		x	x			x	
PO6			x	x			x		x	x			x	x
PO7	x	x		x	x	x	x			x			x	
PO8	x	x	x			x	x		x				x	x
PO9	x		x	x					x	x			x	x

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Chuẩn bị của giảng viên

+ Tài liệu giảng dạy, tài liệu hướng dẫn học tập, dụng cụ dạy học (nếu cần).

- Các phương pháp giảng dạy - học tập [Dạy trực tiếp/gián tiếp/trải nghiệm/tương tác/tự học]

+ Dạy trực tiếp: thuyết giảng, thảo luận, tham luận.

+ Dạy gián tiếp: câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, dạy học theo nhóm.

+ Học trải nghiệm: thực tập, thực tế, bài tập nhóm.

+ Dạy học tương tác: thảo luận, làm việc nhóm.

+ Tự học: bài tập ở nhà, giải quyết tình huống cho sẵn.

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I. Dạy trực tiếp														
1. Thuyết giảng	x	x	x	x	x									
2. Tham luận	x		x	x					x	x				
II. Dạy gián tiếp														
3. Câu hỏi gợi mở	x		x	x	x				x					
4. Giải quyết vấn đề	x			x	x	x	x	x	x		x		x	
5. Dạy học theo tình huống			x	x	x				x					
6. Dạy học theo nhóm				x	x	x	x	x	x				x	x
III. Học trải nghiệm														
7. Thực tập, thực tế				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8. Bài tập nhóm	x		x	x	x	x	x	x	x				x	x
IV. Dạy học tương tác														
9. Thảo luận			x	x					x					
10. Làm việc nhóm			x	x		x	x							x
V. Tự học														
11. Bài tập ở nhà			x	x	x			x					x	
12. Giải quyết tình huống cho sẵn					x				x					

- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

+ Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu phát triển xã hội và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan.

+ Có nhiều hình thức, phương pháp giúp đỡ hỗ trợ sinh viên trong việc học, đồng thời tăng cường thời gian làm rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

+ Mỗi học kỳ, khoa, bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ nhằm trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn cho giảng viên.

+ Hàng năm nhà trường tổ chức các lớp tập huấn cho giảng viên nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng giảng dạy.

+ Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, năng lực, tâm đức, trách nhiệm của giảng viên trong quá trình dạy học.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

* *Thang điểm đánh giá:*

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

* *Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm*

a. Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i>	30%
		<i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giảng viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>	40% hoặc 50%
		<i>* Sinh viên làm 1 hoặc nhiều bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết hoặc thuyết trình) theo các trọng số khác nhau tùy thuộc độ khó theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</i> <i>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.</i> <i>* Các bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</i> <i>- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn: nội dung, hình thức, thể hiện bài báo cáo theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</i> <i>* Các bài thực hành theo quy định của giảng viên phụ</i>	

		trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài thực hành: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	
2	Thi kết thúc học phần	Thi kết thúc học phần * Hình thức thi: Viết/vấn đáp. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề. * Hình thức thi: Thực hành. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề. * Hình thức thi: Bài báo cáo - Tiêu chí đánh giá bài thi: nội dung, hình thức, vấn đáp bài báo cáo.	70% hoặc 60% hoặc 50%

b. Học phần thí nghiệm - thực hành

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành. Điểm trung bình cộng các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

c. Học phần đề án môn học, thực tập nhận thức, thực tập tốt nghiệp

30% điểm quá trình; 70% điểm thể hiện báo cáo thực tập tốt nghiệp.

d. Học phần khóa luận tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1487/QĐ-ĐHQN ngày 01/7/2021 của Trường Đại học Quy Nhơn.

*** Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Luật được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

I. Đánh giá tiến trình														
1. Đánh giá chuyên cần													x	x
2. Đánh giá giải bài tập			x	x	x		x		x				x	x
3. Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x		x	x	x	x		x	x	
4. Đánh giá làm việc nhóm			x	x	x	x	x	x	x	x			x	x
5. Đánh giá các bài kiểm tra	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x
6. Đánh giá bài thực hành			x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	
II. Đánh giá tổng kết														
7. Kiểm tra viết	x		x	x	x				x					
8. Kiểm tra trắc nghiệm	x		x	x	x									
9. Bảo vệ và thi vấn đáp	x		x	x	x				x	x	x	x	x	
10. Đánh giá báo cáo (nội dung và kiểm tra vấn đáp)	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	
11. Đánh giá thuyết trình			x	x			x	x	x					
12. Đánh giá làm việc nhóm						x	x	x					x	

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	24	0

1.1	Khoa học chính trị và pháp luật	13	0
1.2	Ngoại ngữ	7	0
1.3	KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý	4	0
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	103	8
2.1	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	32	0
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành	33	8
2.3	Kiến thức bổ trợ	32	0
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	0
Tổng:		127	8
		135	

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 16 học phần:

Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học có kiến thức vững chắc về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh,... Mặt khác, khối kiến thức này cũng giúp người học nâng cao đạo đức cá nhân, ý thức tuân thủ pháp luật, hiểu và thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 48 học phần:

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giúp người học có kiến thức toàn diện về luật học để có thể tự học tập và phát triển nghề nghiệp suốt đời. Đồng thời, khối kiến thức này cũng trang bị những kiến thức chuyên sâu giúp người học thực hành, sáng tạo trong nghề nghiệp cả về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Thêm vào đó, đây cũng là khối kiến thức giúp người học nâng cao phẩm chất đạo đức, chuẩn mực nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

[illegible]

	dục quốc phòng - AN																
1.3	Ngoại ngữ	7	19,45	-	M	-	-	-	M	M	-	-	M	M	-	M	-
1.4	KHXXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý	4	11,11	-	M	-	-	-	-	M	M	-	M	-	-	M	-
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	111	75,5														
2.1	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	32	28,83	-	M	H	H	M	-	M	-	-	-	-	L	M	L
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành	41	36,93	-	-	H	H	L	M	M	-	H	M	L	L	M	H
2.3	Kiến thức bổ trợ	32	28,83	-	-	H	H	-	L	H	M	H	M	-	-	H	H
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	5,41	M	L	H	H	M	M	M	M	H	-	H	M	M	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ lên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					L T	B T	T L						
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương (24TC)					(Chưa bao gồm 3 tín chỉ GDTC và 9 tín chỉ GDQP-AN)								
Phần bắt buộc													
1.1. Khoa học chính trị và pháp luật (13TC)													
1	1130299	Triết học Mác-Lê nin	1	3	40		10			90		LLCT, L & QLNN	
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	27		6			60	1130299	LLCT, L & QLNN	
3	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6			60	1130300	LLCT, L & QLNN	
4	1130302	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4	2	27		6			60	1130301	LLCT, L & QLNN	

5	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6		60	1130302	LLCT, L & QLNN	
6	1130246	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3	2	30			60			LLCT, L & QLNN	
I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục QP-AN (12TC)				ĐK								
I.2.1. Giáo dục thể chất: Sinh viên chọn 1 trong 7 nhóm GDTC sau				3								
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)	1	1	4			26	30		GDTC-QP	
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)	2	1	4			26	30	1120172	GDTC-QP	
9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)	3	1	4			26	30	1120173	GDTC-QP	
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)	1	1	4			26	30		GDTC-QP	
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)	2	1	4			26	30	1120175	GDTC-QP	
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)	3	1	4			26	30	1120176	GDTC-QP	
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)	1	1	4			26	30		GDTC-QP	
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)	2	1	4			26	30	1120178	GDTC-QP	
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)	3	1	4			26	30	1120179	GDTC-QP	
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)	1	1	4			26	30		GDTC-QP	
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)	2	1	4			26	30	1120181	GDTC-QP	
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)	3	1	4			26	30	1120182	GDTC-QP	
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*)	1	1	4			26	30		GDTC-QP	
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*)	2	1	4			26	30	1120184	GDTC-QP	

[illegible]

II.1 Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành (32TC)												
36	1050241	Tin học cơ sở (Xã hội)	1	3	24	6		30		90		CNTT
37	1130341	Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý	3	2	30					60		LLCT, L & QLNN
38	1100276	Xã hội học pháp luật	3	2	20	5	10			60		KHXXH&NV
39	1100275	Tâm lý học tư pháp	2	2	25	2	6			60		KHXXH&NV
40	1130033	Lôgic học	2	2	25		10			60		LLCT, L & QLNN
41	1130240	Lý luận nhà nước và pháp luật	1	3	40	2	6			90		LLCT, L & QLNN
42	1130339	Lý luận và pháp luật về quyền con người	3	2	27		6			60	1130241	LLCT, L & QLNN
43	1130337	Những quy định chung về Luật Dân sự	2	2	20	5	10			60		LLCT, L & QLNN
44	1130244	Luật Hình sự - Phần chung	2	3	32	10	6			90		LLCT, L & QLNN
45	1130241	Luật Hiến pháp	1	3	40	2	6			90		LLCT, L & QLNN
46	1130335	Luật Hành chính	2	3	35	7	6			90		LLCT, L & QLNN
47	1130256	Công pháp quốc tế	5	3	40	2	6			90		LLCT, L & QLNN
48	1130262	Tư pháp quốc tế	6	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN
II.2 Khối kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có) (41 TC)												
II.2.1. Kiến thức ngành (28TC)												
II.2.1a. Phần bắt buộc												
49	1130360	Luật Hình sự - Phần các tội phạm	3	3	32	10	6			90	1130244	LLCT, L & QLNN
50	1130268	Tội phạm học	7	2	30					60	1130343	LLCT, L & QLNN

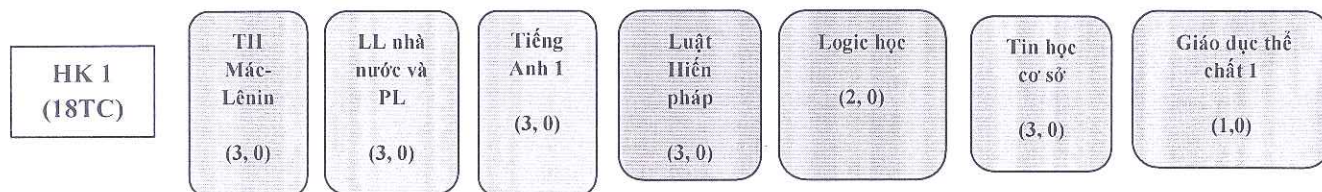
51	1130245	Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế	3	2	20	7	6			60	1130337	LLCT, L & QLNN	
52	1130250	Pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự	4	2	20	7	6			60	1130245	LLCT, L & QLNN	
53	1130343	Luật Tổ tụng hình sự	4	3	32	10	6			90	1130360	LLCT, L & QLNN	
54	1130260	Luật Tổ tụng dân sự	6	2	25	2	6			60	1130250	LLCT, L & QLNN	
55	1130253	Luật Tổ tụng hành chính	4	2	23	4	6			60	1130335	LLCT, L & QLNN	
56	1130261	Luật Hôn nhân và gia đình	5	2	20	7	6			60		LLCT, L & QLNN	
57	1130340	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
58	1130254	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	4	2	25	5				60	1130340	LLCT, L & QLNN	
59	1130347	Pháp luật cạnh tranh	6	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
<i>II.2.1b. Phần tự chọn: 4TC/6TC</i>													
60	1130275	Luật thương mại quốc tế	5	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
61	1130267	Pháp luật về môi trường	5	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
62	1130291	Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo	5	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
<i>II.2.2. Kiến thức chuyên ngành (nếu có) (13TC)</i>													
<i>II.2.2a. Phần bắt buộc</i>													
63	1130346	Luật Lao động	6	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
64	1130342	Luật Đất đai	4	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
65	1130352	Pháp luật an sinh xã hội	7	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
66	1130344	Pháp luật tài chính	5	3	40	5				90		LLCT, L	

													& QLNN	
<i>II.2.2b. Phần tự chọn: 4TC/6TC</i>														
67	1130277	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	7	2	27	3				60			LLCT, L & QLNN	
68	1130353	Pháp luật về thương mại điện tử	7	2	27	3				60			LLCT, L & QLNN	
69	1130269	Pháp luật về du lịch	7	2	27	3				60			LLCT, L & QLNN	
II.3. Kiến thức bổ trợ (32TC)														
<i>Các học phần bắt buộc</i>														
II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp														
70	1130257	Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật	3	2	20	5	10			60			LLCT, L & QLNN	
71	1130349	Xây dựng và ban hành văn bản hành chính, tư pháp	6	2	20			20		60			LLCT, L & QLNN	
72	1130348	Pháp luật về luật sư, công chứng, chứng thực và thừa phát lại	6	2	30					60			LLCT, L & QLNN	
73	1130345	Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính	6	2	20			20		60			LLCT, L & QLNN	
74	1130264	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	7	2	25			10		60	1130254		LLCT, L & QLNN	
75	1130354	Rèn luyện nghiệp vụ tổ tụng	7	2	20			20		60	1130260		LLCT, L & QLNN	
76	1130350	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự	7	2	20			20		60	1130260		LLCT, L & QLNN	
77	1130247	Phương pháp nghiên cứu và lập luận trong khoa học pháp lý	4	2	25	5				60			LLCT, L & QLNN	
78	1130289	Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự	5	2	25	2	6			60	1130343		LLCT, L & QLNN	
79	1130276	Nghệp vụ thư ký tòa án	6	2	20			20		60			LLCT, L & QLNN	
80	1130271	Kỹ năng tư vấn pháp luật	7	2	25			10		60			LLCT, L	

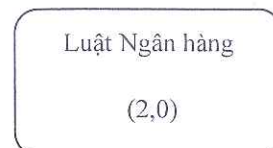
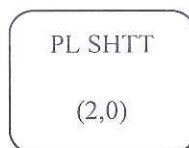
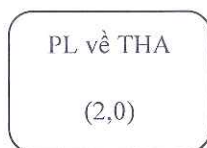
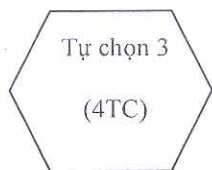
												& QLNN	
81	1130351	Kỹ năng tranh tụng	7	2	20			20		60	1130343	LLCT, L & QLNN	
82	1130258	Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	4	2	30					60		LLCT, L & QLNN	
II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp													
83	1130272	Thực tế chuyên môn	6	1					TT			LLCT, L & QLNN	
84	1130283	Thực tập tốt nghiệp	8	5					TT	90	1130354	LLCT, L & QLNN	
II.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế													
85	1130359	Khóa luận tốt nghiệp	8	6				180	KL	180		LLCT, L & QLNN	
	Học phần thay thế		8	6									
	Học phần bắt buộc			2									
86	1130355	Luật Đầu tư	8	2	25	5				60	1130254	LLCT, L & QLNN	
	Học phần tự chọn 4TC/8TC		8	4									
87	1130259	Pháp luật Cộng đồng ASEAN	8	2	25	5				60	1130256	LLCT, L & QLNN	
88	1130358	Pháp luật về thi hành án	8	2	25	5				60	1130260 1130343	LLCT, L & QLNN	
89	1130357	Pháp luật sở hữu trí tuệ	8	2	25	5				60	1130250	LLCT, L & QLNN	
90	1130356	Luật Ngân hàng	8	2	25	5				60	1130254	LLCT, L & QLNN	
Tổng cộng				135									

Ghi chú: (*) – Học phần điều kiện

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy



HK 2 (27TC)	KTCT M-L (2, 0)	Tiếng Anh 2 (4, 0)	Luật HC (3, 0)	LHS - PC (3, 0)	Kỹ năng giao tiếp (2, 0)	QDC về LDS (2, 0)	Tâm lý học TP (2, 0)	GD QP-AN 1,2,3,4 (9,0)	Giáo dục thể chất 2 (1,0)	
HK 3 (20TC)	CNXH KH (2, 0)	LS NN&PL (2, 0)	LS các HTCT- PL (2, 0)	PL TS,QSH & TK (2, 0)	LHS- PCTP (3, 0)	PL về CTKD (2, 0)	XHX PL (2,0)	LL&PL về QCN (2, 0)	XD& BII VBQP PL (2, 0)	Giáo dục thể chất (1,0)
HK 4 (17TC)	LS ĐCSVN (2, 0)	PPNC& LL TKHPL (2, 0)	PL về NVDS &HDDS (2, 0)	Luật TTHC (2, 0)	PL về TMHH &DV (2, 0)	XDNNPQ XCNVN (2, 0)	Luật TTHS (3, 0)	Luật Đất đai (2, 0)		
HK 5 (18TC)	Tự chọn 1 (4/6TC) (2TC)	TT HCM (2,0)	CPQT (3,0)	PL Tài chính (3,0)	Luật HN&GD (2,0)	Khởi nghiệp (2, 0)	HDCM trong TTHS (2,0)			
HK 6 (17TC)	TPQT (2,0)	Luật TTDS (2,0)	Luật LD (2,0)	XD&BH VBHC& TP (2,0)	PL VỀ LS,CC,CT VÀ TPL (2,0)	PL cạnh tranh (2,0)	KNGQ KN,TCHC (2,0)	NV TKTA (2,0)	TTCM (1,0)	
HK 7 (18TC)	Tự chọn 2 (4/6TC)	RLNV TT (2,0)	Tội phạm học (2,0)	KNTT (2,0)	KNDP& GKHD (2,0)	KNGQTC	PL AS XH (2,0)	KN TVPL (2, 0)		
HK 8 (11TC)	Tự chọn 3 (4/8TC)	TT tốt nghiệp (5,0)	Khóa luận tốt nghiệp (6,0)	Luật Đầu tư (2, 0)						
Đảm sách										
	Tự chọn 1 (4TC)	Luật TMQT (2,0)	PL về MT (2,0)	PL TT,KN,TC (2,0)						
	Tự chọn 2 (4TC)	PL về KDBĐS	PL về TMĐT (2,0)	PL về du lịch (2,0)						



Chú thích:

	Khối kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức bổ trợ
	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành		Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế
	Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)		Học phần học trước
Tên học phần (x,y)	x: Số tín chỉ lý thuyết y: Số tín chỉ thí nghiệm – thực hành		Học phần song hành

2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

STT	Mã HP	Tên HP	PLOs													
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	1130299	Triết học Mác – Lênin	M	L	L				M					L	L	H
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	M	L	L				M					L	L	H
3	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	M	L	L				M					L	L	H
4	1130302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	M				M		M						L	H
5	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	M						M		M				M	M
6	1130246	Lịch sử nhà nước và pháp luật	L	H	L				M						L	M
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)	H	L					L						M	H
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	H	L					L						M	H

9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)	H	L					L						M	H
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)	H	L					L						M	H
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)	H	L					L						M	H
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)	H	L					L						M	H
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	H	L					L						M	H
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	H	L					L						M	H
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	H	L					L						M	H
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	H	L					L						M	H
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	H	L					L						M	H
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	H	L					L						M	H
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	H	L					L						M	H
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	H	L					L						M	H
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	H	L					L						M	H
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	H	L					L						M	H
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	H	L					L						M	H
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	H	L					L						M	H
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	H	L					L						M	H
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	H	L					L						M	H
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	H	L					L						M	H

28	1120168	Giáo dục Quốc phòng-AN 1	M						L						L	H
29	1120169	Giáo dục Quốc phòng -AN 2	M						L						L	H
30	1120170	Giáo dục Quốc phòng-AN 3	M						L						L	H
31	1120171	Giáo dục Quốc phòng-AN 4	M						L						L	H
32	1090061	Tiếng Anh 1		M				H	M			L		M		
33	1090166	Tiếng Anh 2		M				H	M			L		M		
34	1150422	Khởi nghiệp		H					M	M		M			L	M
35	2030003	Kỹ năng giao tiếp		H					M			M			L	
36	1050241	Tin học cơ sở (Xã hội)		H				M	M		M	M		M	L	
37	1130341	Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý	M	H	M		L		L				L		L	
38	110027 6	Xã hội học pháp luật		H	M	L	L		L			L			L	
39	110027 5	Tâm lý học tư pháp	L	H					L			M			L	
40	113003 3	Logic học		H	M	M	M							M	L	
41	113024 0	Lý luận nhà nước và pháp luật	M		H	L			M		L			L	M	M
42	113033 9	Lý luận và pháp luật về quyền con người			H	M			M		M		L		M	M
43	113033 7	Những quy định chung về Luật dân sự			H	M		L	M		M		L		L	M
44	113024 4	Luật Hình sự - Phần chung			H	M		L	M		M		L		L	M
45	113024 1	Luật Hiến pháp			H	M		L	M		M		L		L	M
46	113033 5	Luật Hành chính			H	M		L	M		M		L		L	M
47	113025 6	Công pháp quốc tế			H	M		L	M		M		L		L	M

48	113026 2	Tư pháp quốc tế			H	M		L	M		M		L		L	M
49	113036 0	Luật Hình sự - Phần các tội phạm			H	M	L		M		M	L	L	L	M	M
50	113026 8	Tội phạm học		L	M	M	L		M				H		M	
51	113024 5	Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế			H	M	L	L	M		H	L	L		L	H
52	113025 0	Pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự			H	M	L	L	M		H	L	L	M	L	H
53	113034 3	Luật Tố tụng hình sự			H	M			M		M	L			M	M
54	113026 0	Luật Tố tụng dân sự			H	M			M		M	L			M	M
55	113025 3	Luật Tố tụng hành chính			H	M			M		M	L			M	M
56	113026 1	Luật Hôn nhân và gia đình			H	H			M		H	M			M	H
57	1130340	Pháp luật về chủ thể kinh doanh			H	M			M	L	M	L		L	M	H
58	1130254	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ			H	M	L	L	M		H	M		L	M	H
59	1130347	Pháp luật cạnh tranh			H	M		L	M		M	L	L			M
60	1130275	Luật thương mại quốc tế			H	M		M	L		M	L	L		M	M
61	1130267	Pháp luật về môi trường			H	M	L		M		H			M	M	
62	1130291	Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo			H	M	L		M		H	M			M	H
63	1130346	Luật lao động			H	H			M		H	L	L		L	H
64	1130342	Luật đất đai			H	M	L		M		M	L		M	M	M
65	1130352	Pháp luật an sinh xã hội			H	M			M		H	M	L			M
66	1130344	Pháp luật tài chính			H	M			M		M	L	L		L	M

67	1130277	Pháp luật về kinh doanh bất động sản			H	M			M		M	M	L		L	H
68	1130353	Pháp luật về thương mại điện tử			H	M	M		M		H	L	L		L	M
69	1130269	Pháp luật về du lịch			H	M			M		H		L		M	M
70	1130257	Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật			M	M		M	M		H	M			L	M
71	1130349	Xây dựng và ban hành văn bản hành chính và tư pháp			M	M		M	M		H	M			L	M
72	1130348	Pháp luật về luật sư, công chứng, chứng thực và thừa phát lại			H	L	L		M	M	H	L			L	H
73	1130345	Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính			H	M			M	L	H	M			M	H
74	1130264	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng			H	L		L	M	L	H				H	M
75	1130354	Rèn luyện nghiệp vụ tổ tụng			H	H	L		H	M	H	M	L		H	H
76	1130350	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự			H	H	L		H	M	H	M	L		H	H
77	1130247	Phương pháp nghiên cứu và lập luận trong khoa học pháp lý	L	L	L	M			H		L	M				
78	1130289	Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự			M			L	M	L	H	M			H	H
79	1130276	Nghiệp vụ thư ký tòa án			H			L	M	M	H	M			H	H
80	1130271	Kỹ năng tư vấn pháp luật			H	H			H	M	H	H	M		H	H
81	1130351	Kỹ năng tranh tụng			H	H			L	L	H	M			M	H
82	1130258	Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam	M	L	M				M				M			H
83	1130272	Thực tế chuyên môn			H	M	M			M			L	M	M	M
84	1130283	Thực tập tốt nghiệp			H	H	M	L	H	M	H	M	M	M	H	H
85	1130359	Khóa luận tốt nghiệp	M	M	H	H	M	M	H	M	H	M	M	M	H	H
86	1130355	Luật Đầu tư			H	M		L	M		H	L			M	H

87	1130259	Pháp luật Cộng đồng ASEAN			H	M		L	M		H				L	M
88	1130358	Pháp luật về thi hành án			H	M			M		H				L	M
89	1130357	Pháp luật sở hữu trí tuệ			H	H		L	M		H	L	L		L	H
90	1130356	Luật Ngân hàng			H	H		L	M		M	L	L		M	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

2.6.1. [1130299], [Triết học Mác – Lênin], [2 TC]

Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác– Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

2.6.2. [1130300], [Kinh tế chính trị Mác – Lênin], [2 TC]

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.6.3. [1130301], [Chủ nghĩa xã hội], [2 TC]

Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.

Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

2.6.4. [1130302], [Lịch sử Đảng], [2 TC]

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).

2.6.5. [1130091], [Tư tưởng Hồ Chí Minh], [2 TC]

Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.6.6. [1130246], [Lịch sử nhà nước và pháp luật], [3TC]

- Môn học gồm có 2 phần, 8 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:
- + Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Lịch sử Nhà nước và Pháp luật; về bối cảnh lịch sử, quá trình ra đời, hình thành, phát triển hoạt động, phát huy hiệu lực của nhà nước và những đặc trưng, quy luật ra đời, hình thành, phát triển của các nhà nước và pháp luật trong lịch sử (lịch sử nhà nước và pháp luật chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư sản; nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa).

- + Quá trình ra đời Nhà nước đầu tiên ở Việt Nam; Nhà nước và pháp luật Việt Nam thời kỳ đấu tranh chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc; Nhà nước và pháp luật phong kiến Đại Việt; Nhà nước và pháp luật thời kỳ thuộc Pháp; Nhà nước và pháp luật Việt Nam từ năm 1945 đến nay.

2.6.7. [1120172], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá 1], [1 tín chỉ]

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

2.6.8. [1120173], [Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá 2], [1 tín chỉ]

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

2.6.9. [1120174], [Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá 3], [1 tín chỉ]

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tăng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

2.6.10. [1120175], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyên 1], [1 tín chỉ]

Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyên.

2.6.11. [1120176], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyên 2], [1 tín chỉ]

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng

chuyên. Một số bài tập bổ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyền bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lầy đà.

2.6.12. [1120177], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền 3], [1 tín chỉ]

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyền. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.

2.6.13. [1120178], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng rổ 1], [1 tín chỉ]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

2.6.14. [1120179], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng rổ 2], [1 tín chỉ]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

2.6.15. [1120180], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng rổ 3], [1 tín chỉ]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.

2.6.16. [1120181], [Giáo dục thể chất 1 – Cầu lông 1], [1 tín chỉ]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

- + Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

- + Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

2.6.17. [1120182], [Giáo dục thể chất 1 – Cầu lông 2], [1 tín chỉ]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

- + Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

- + Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

2.6.18. [1120183], [Giáo dục thể chất 1 – Cầu lông 3], [1 tín chỉ]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

2.6.19. [1120184], [Giáo dục thể chất 1 – Võ cổ truyền Việt Nam 1], [1 tín chỉ]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước,

tinh thần dân tộc.

2.6.20. [1120185], [Giáo dục thể chất 1 – Võ cổ truyền Việt Nam 2], [1 tín chỉ]

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tính tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

2.6.21. [1120186], [Giáo dục thể chất 1 – Võ cổ truyền Việt Nam 3], [1 tín chỉ]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc

2.6.22. [1120187], [Giáo dục thể chất 1 - Võ Taekwondo 1], [1 tín chỉ]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo

- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

2.6.23. [1120188], [Giáo dục thể chất 1 - Võ Taekwondo 2], [1 tín chỉ]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo

Kỹ thuật tấn

2.6.24. [1120189], [Giáo dục thể chất 1 - Võ Taekwondo 3], [1 tín chỉ]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

2.6.25. [1120190], [Giáo dục thể chất 1 - Võ Karatedo 1], [1 tín chỉ]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ

thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

2.6.26. [1120191], [Giáo dục thể chất 1 - Võ Karatedo 2], [1 tín chỉ]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

2.6.27. [1120192], [Giáo dục thể chất 1 - Võ Karatedo 3], [1 tín chỉ]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

2.6.28. [1120168], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 1], [3 tín chỉ]

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

2.6.29. [1120169], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 2], [2 tín chỉ]

Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an

ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

2.6.30. [1120170], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 3], [2 tín chỉ]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.

2.6.31. [1120171], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 4], [2 tín chỉ]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

2.6.32. [1090061], [Tiếng Anh 1], [3TC]

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, *Tiếng Anh 1*, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

2.6.33. [1090166], [Tiếng Anh 2], [4TC]

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần *Tiếng Anh 1*, *Tiếng Anh 2* bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng

nghư *phrasal verbs*, *linking words* và *collocations*, v.v. và nhữnđ chủ đề khỏ hơn như *âm nhac* và *tính cách*, *phim ảnh*, *sự kiện quá khứ* và *trải nghiệm* với mục đich giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đich giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kĩ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

2.6.34. [1150422], [Khởi nghiệp], [2TC]

Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.

2.6.35. [2030003], [Kỹ năng giao tiếp], [2TC]

Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.

2.6.36. [1050241], [Tin học cơ sở (Xã hội)], [3TC]

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành Khoa học xã hội. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành khoa học xã hội, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Microsoft.

2.6.37. [1130341], [Lịch sử các học thuyết Chính trị - Pháp lý], [2TC]

Học phần gồm 5 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản trong một số học thuyết chính trị - pháp lý tiêu biểu tư tưởng chính trị - pháp lý ở Hi Lạp và Ai Cập cổ đại, tư tưởng chính trị - pháp lý của Trung Quốc cổ đại; tư tưởng chính trị - pháp lý thời kỳ phong kiến; các học thuyết chính trị - pháp lý thời cách mạng tư sản ở Tây Âu với các đại biểu như Thomas Hobbes, John Linberne, John Locke, Vontaire, Montexkier. Học phần cũng tập trung nghiên cứu lý luận chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật kiểu mới.

2.6.38. [1100276], [Xã hội học pháp luật], [2TC]

Học phần “Xã hội học pháp luật” cung cấp cho sinh viên những hiểu biết và kiến thức cơ bản về Xã hội học pháp luật, hiểu rõ và nắm vững được các khái niệm cũng như các nội dung nghiên cứu cơ bản của Xã hội học pháp luật như là một trong những chuyên ngành của xã hội học có ý nghĩa to lớn và vai trò quan trọng trong đời sống xã hội.

2.6.39. [1100275], [Tâm lý học tư pháp], [2TC]

Học phần Tâm lý học giúp sinh viên trang bị kiến thức cơ bản về tâm lý con người nói chung và những vấn đề tâm lý trong hoạt động tư pháp. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có được kỹ năng cần thiết để giải quyết các nhiệm vụ trong hoạt động thực tiễn.

2.6.40. [1130033], [Logic học], [2TC]

Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung của Logic học, cung cấp một số kiến thức lô gích căn bản như là phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học tư duy nhanh, chính xác, lập luận chặt chẽ, biết phát hiện những đúng, sai, ngụy biện trong lập luận của người khác. Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, có liên quan mật thiết và có với khối kiến thức giáo dục đại cương.

2.6.41. [1130240], [Lý luận nhà nước và pháp luật], [3 TC]

Học phần Lý luận Nhà nước và Pháp luật là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong chương trình đào tạo ngành Luật học. Học phần gồm 03 chương, cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận nền tảng về nhà nước và pháp luật theo quan điểm của chủ nghĩa Mac – Lênin, lý giải các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp sinh viên nắm được những nội dung nền tảng của nhà nước và pháp luật, là cơ sở để sinh viên nghiên cứu chuyên sâu về chuyên đề cụ thể ở các học phần bắt buộc và tự chọn tiếp theo.

2.6.42. [1130339], [Lý luận và pháp luật về quyền con người], [2TC]

Học phần Lý luận và pháp luật về quyền con người là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Luật, là kiến thức cơ sở ngành, góp phần hỗ trợ cho những học phần thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về quyền con người; lịch sử tư tưởng về quyền con người; quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền con người. Từ đó giúp người học nhận thức được quyền và nghĩa vụ của một con người – một công dân trong thời đại mới.

2.6.43. [1130337], [Những quy định chung về Luật dân sự], [2TC]

- Học phần Những vấn đề chung về Luật dân sự trong chương trình đào tạo là học phần cung cấp kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp những kiến thức nền tảng để tiếp cận những kiến thức được cung cấp trong học phần Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế và học phần Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

- Nội dung của học phần này bao gồm khái niệm luật dân sự, đối tượng điều chỉnh của luật dân sự, nguồn của luật dân sự, vị trí của luật dân sự trong hệ thống pháp luật, các vấn đề pháp lý dân sự của cá nhân, pháp nhân với tư cách là chủ thể của luật dân sự, giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện.

2.6.44. [1130244], [Luật Hình sự - Phần chung], [3TC]

Học phần Luật Hình sự - Phần chung nằm trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trang bị cho người học những kiến thức chuyên ngành pháp luật hình sự về nguyên tắc, bản chất, tội phạm và hình phạt, các biện pháp tư pháp phi hình phạt và vấn đề định tội danh. Là môn học cơ sở nên Luật Hình sự - Phần chung cần kiến thức từ các học phần trước là Luật Hiến pháp và Lý luận nhà nước và pháp luật hỗ trợ, đồng thời là tiền đề cho các môn học khác là Luật Hình sự - Phần các tội phạm và Luật tố tụng hình sự.

2.6.45. [1130241], [Luật Hiến pháp], [3TC]

Học phần Luật Hiến pháp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Luật, là kiến thức cơ sở ngành, góp phần hỗ trợ cho những học phần thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ; quy định của Hiến pháp hiện hành về các vấn đề như chế độ chính trị, quyền con người, quyền công dân, các cơ quan trong bộ máy nhà nước... Từ đó trang bị các kiến thức nền tảng giúp cho người học lĩnh hội được các môn học chuyên ngành khác.

2.6.46. [1130335], [Luật Hành chính], [2TC]

Học phần Luật Hành chính là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và

khối ngành trong chương trình đào tạo ngành Luật học. Học phần gồm 07 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức xã hội, công dân, người nước ngoài cư trú trên lãnh thổ Việt Nam, thủ tục hành chính, trách nhiệm hành chính. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp sinh viên hiểu về Luật Hành chính Việt Nam, là cơ sở để sinh viên nghiên cứu chuyên sâu về các chuyên đề cụ thể ở các học phần bắt buộc và tự chọn tiếp theo.

2.6.47. [1130256], [Công pháp quốc tế], [3 TC]

Học phần Công pháp quốc tế cung cấp cho sinh viên hệ thống luật quốc tế như khái niệm, đặc điểm, vai trò, mối quan hệ của Luật quốc tế với luật quốc gia; những nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế; chủ thể Luật quốc tế; Luật điều ước quốc tế; biên giới, lãnh thổ quốc gia; dân cư trong Luật quốc tế; Luật ngoại giao, lãnh sự; Luật về các tổ chức quốc tế; Luật biển quốc tế; Luật hàng không; giải quyết tranh chấp; trách nhiệm pháp lý quốc tế.

2.6.48. [1130262], [Tur pháp quốc tế], [2TC]

Là một lĩnh vực pháp luật có tính thực tiễn rất cao, Tur pháp quốc tế nghiên cứu các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật Việt Nam trong việc điều chỉnh các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, trong đó tập trung vào các vấn đề cơ bản sau: Xác định thẩm quyền của tòa án quốc gia đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài; Xác định pháp luật áp dụng đối với các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài; Công nhận và thi hành bản án, quyết định của tòa án nước ngoài; Công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài.

2.6.49. [1130360], [Luật Hình sự - Phần các tội phạm], [3TC]

Học phần Luật Hình sự - Phần các tội phạm nằm trong khối kiến thức ngành, được đưa vào chương trình giảng dạy sau học phần Luật Hình sự - Phần chung, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về dấu hiệu pháp lý của các tội phạm cụ thể, kỹ năng vận dụng các dấu hiệu pháp lý của các tội phạm để định tội danh và hướng cho sinh viên thái độ đúng đắn với nghề nghiệp – thực thi pháp luật trên cả hai khía cạnh: kiên định đấu tranh phòng chống tội phạm đồng thời luôn có trách nhiệm trước số phận con người, thậm chí ngay cả khi họ là người phạm tội.

2.6.50. [1130268], [Tội phạm học], [2TC]

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tình hình tội phạm, các nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh, phát triển tình hình tội phạm và các loại tội phạm cụ thể, nhận biết các đặc điểm nhân thân người phạm tội. Trên cơ sở đó tìm hiểu và vạch định được các biện pháp trong công tác đấu tranh phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và các loại tội

phạm cụ thể nói riêng nhằm ngăn chặn, hạn chế, tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

2.6.51. [1130245], [Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế], [2TC]

- Học phần “Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế” là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành luật. Học phần này cung cấp những kiến thức khoa học pháp lý về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế, làm cơ sở cho việc tiếp cận những quy định pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Nội dung của học phần này bao gồm lý thuyết về tài sản và các quyền đối với tài sản như chiếm hữu, quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản; bảo vệ các quyền đối với tài sản và quyền thừa kế.

2.6.52. [1130250], [Pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự], [2TC]

- Học phần “Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành luật. Học phần này cung cấp những kiến thức khoa học pháp lý về nghĩa vụ, các biện pháp đảm bảo nghĩa vụ, trách nhiệm do phạm nghĩa vụ, giao kết hợp đồng, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng, căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, nguyên tắc bồi thường, nguyên tắc xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể.

2.6.53. [1130343], [Luật Tố tụng hình sự], [3TC]

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tố tụng hình sự, những vấn đề cơ bản về chứng cứ, các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế trong tố tụng hình sự, trình tự, thủ tục giải quyết một vụ án hình sự qua các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự. Mỗi giai đoạn được thực hiện bởi các chủ thể khác nhau và được đặc trưng bởi những hoạt động, văn bản tố tụng khác nhau. Tuy nhiên xuyên suốt quá trình vụ án hình sự được giải quyết, các nguyên tắc của tố tụng hình sự đều phải được tuân thủ một cách chặt chẽ, triệt để.

2.6.54. [1130260], [Luật tố tụng dân sự], [2TC]

- Học phần “Luật Tố tụng dân sự” là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành luật.

- Học phần này cung cấp những kiến thức khoa học pháp lý về tố tụng dân sự như khái niệm tố tụng dân sự, các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng dân sự, quan hệ tố tụng dân sự; thẩm quyền của tòa án trong giải quyết các vụ việc dân sự; trình tự tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ của các bên chủ thể trong quá trình tố tụng, các biện pháp khẩn cấp tạm thời được áp dụng trong thủ tục tố tụng dân sự.

2.6.55. [1130253], [Luật Tố tụng hành chính], [2TC]

Học phần Luật Tố tụng hành chính là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Luật học. Học phần gồm 07 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về chủ thể tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng hành chính, thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án, trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hành chính. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp sinh viên hiểu về các hoạt động tố tụng diễn ra trong vụ án hành chính, là cơ sở để sinh viên nghiên cứu chuyên sâu về các chuyên đề cụ thể ở các học phần bắt buộc và tự chọn tiếp theo.

2.6.56. [1130261], [Luật hôn nhân và gia đình], [2TC]

- Học phần “Luật hôn nhân và gia đình” là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành luật, là môn khoa học pháp lý chuyên ngành nghiên cứu về các vấn đề lý luận cơ bản và các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình.

- Học phần này gồm 2 phần chính. Một là, phần lý luận giới thiệu các hình thái hôn nhân và gia đình trong lịch sử, các khái niệm cơ bản như khái niệm hôn nhân và gia đình, khái niệm luật hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình. Hai là phần các chế định pháp lý cụ thể nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn, về kết hôn trái pháp luật và hủy kết hôn trái pháp luật; quan hệ vợ chồng; quan hệ giữa cha mẹ và con; nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; chấm dứt hôn nhân; quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

2.6.57. [1130340], [Pháp luật về chủ thể kinh doanh], [2TC]

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về pháp luật về điều kiện thành lập, cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và phá sản các chủ thể kinh doanh. Nội dung cụ thể gồm các chế định pháp luật như: pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các cá nhân kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh, pháp luật về giải thể và phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

2.6.58. [1130254], [Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ], [2 TC]

Học phần “Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ” là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành luật. Học phần này cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản của pháp luật thương mại Việt Nam, bao gồm những nội dung: khái niệm về thương nhân và về các hoạt động thương mại; các hoạt động thương mại cụ thể; quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; các chế tài trong hoạt động thương mại. Thông qua việc nghiên cứu học phần giúp sinh viên hiểu ý nghĩa, mục đích của các quy phạm pháp luật, đồng thời tạo cơ hội cho sinh viên rèn luyện kỹ năng áp dụng pháp luật và thực hành nghề luật trong lĩnh vực thương mại.

2.6.59. [1130347], [Pháp luật cạnh tranh], [2TC]

Môn học giúp sinh viên hiểu và nắm vững quy định pháp luật về các hành vi hạn chế cạnh tranh như thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị thế độc quyền, tập trung kinh tế. Bên cạnh đó, những quy định pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh như chỉ dẫn gây nhầm lẫn, xâm phạm bí mật kinh doanh, gây rối hoạt động doanh nghiệp khác, quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh, khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh, bán hàng đa cấp bất chính... cũng được làm sáng tỏ. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá những quy định pháp luật, nhận biết được ranh giới giữa hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh và hành vi không vi phạm. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức có được vào thực tiễn.

Mặt khác, những vấn đề về tổ tụng liên quan đến các hành vi vi phạm luật cạnh tranh cũng được trình bày giúp học viên có được hiểu biết cơ bản về chế tài, cơ quan có thẩm quyền xử lý và trình tự thủ tục xử lý các vụ việc cạnh tranh.

2.6.60. [1130275], [Luật thương mại quốc tế], [2TC]

Môn học tập trung vào bốn vấn đề cơ bản của luật thương mại quốc tế:

Thứ nhất: Giới thiệu những vấn đề cơ bản của Luật thương mại Quốc tế, như: Khái niệm về luật thương mại quốc tế, chủ thể của luật thương mại quốc tế, nguồn của luật thương mại quốc tế

Thứ hai: Giới thiệu về các nguyên tắc cơ bản của luật thương mại quốc tế

Thứ ba: Giới thiệu về chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các thiết chế thương mại quốc tế, như WTO

Thứ tư: Giới thiệu về các lĩnh vực điều chỉnh của luật thương mại quốc tế, bao gồm: Thương mại hàng hóa; Thương mại dịch vụ; Các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại, Các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ.

2.6.61. [1130267], [Pháp luật về môi trường], [2TC]

Pháp luật về môi trường bao gồm những vấn đề mang tính lý luận tổng quan về môi trường và luật môi trường; Luật môi trường Việt Nam và Luật quốc tế về môi trường.

2.6.62. [1130291], [Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo], [2TC]

Học phần Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Luật học. Học phần gồm 06 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về pháp luật thanh tra, hệ thống cơ quan thanh tra nhà nước, thủ tục thanh tra, pháp luật khiếu nại, việc hoàn thiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Những kiến

thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp sinh viên hiểu về pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo, là cơ sở để sinh viên nghiên cứu chuyên sâu về các chuyên đề cụ thể ở các học phần bắt buộc và tự chọn tiếp theo.

2.6.63. [1130346], [Luật Lao động], [2TC]

Học phần “Luật lao động” là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành luật. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về pháp luật lao động để lý giải các vấn đề lý luận và vận dụng được các quy định pháp luật vào thực tiễn.

2.6.64. [1130342], [Luật Đất đai], [2TC]

Học phần Luật Đất đai là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành Luật. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chế độ sở hữu đất đai ở Việt Nam, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, cách thức và phương pháp quản lý đất đai của nhà nước ta. Từ đó giúp người học nhận thức được vị trí, vai trò của pháp luật đất đai trong hệ thống pháp luật Việt nam và đối với công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội.

2.6.65. [1130352], [Pháp luật an sinh xã hội], [2TC]

Học phần Pháp luật về an sinh xã hội là môn học nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng, ban hành, thực thi các quy định về an sinh xã hội. Trên cơ sở đó, các nội dung pháp luật được tập trung chủ yếu ở các chế định: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, ưu đãi xã hội, trợ giúp xã hội.

2.6.66. [1130344], [Pháp luật tài chính], [3TC]

Học phần “Pháp luật tài chính” là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành luật. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về luật ngân sách nhà nước và pháp luật thuế. Cụ thể:

- Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước; các hoạt động lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước; quản lý quỹ ngân sách nhà nước; xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước;

- Lý luận chung về thuế và pháp luật Việt Nam; pháp luật thuế thu vào hàng hóa, dịch vụ; pháp luật thuế thu vào thu nhập; pháp luật thuế thu vào việc sử dụng và khai thác một số tài sản nhà nước; pháp luật về quản lý thuế.

2.6.67. [1130277], [Pháp luật về kinh doanh bất động sản], [2 TC]

Pháp luật về kinh doanh bất động sản là học phần tự chọn trong chương trình ngành luật. Học phần này cung cấp cho người học những quy định của pháp luật về quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; đối tượng, phạm vi, điều kiện và các nguyên tắc trong đầu tư, kinh doanh bất động sản; các hình thức kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong kinh doanh bất động sản. Học phần cũng cung cấp cho người học các kiến thức về các loại hợp đồng trong kinh doanh bất động sản.

2.6.68. [1130353], [Pháp luật về thương mại điện tử], [2TC]

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản: Những vấn đề chung về thương mại điện tử và pháp luật thương mại điện tử; những nội dung cơ bản của pháp luật thương mại điện tử; quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại điện tử.

2.6.69. [1130269], [Pháp luật về du lịch]

Học phần Pháp luật về du lịch là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Luật học. Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết nhất định về pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực du lịch. Nội dung của học phần này được tổ chức thành 7 chương. Chương 1 giới thiệu các vấn đề chung về luật du lịch. Chương 2 cung cấp kiến thức về quản lý nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch. Chương 3 cung cấp kiến thức về quan điểm, chiến lược của Việt Nam trong phát triển du lịch. Chương 4 giới thiệu về Luật du lịch Việt Nam. Chương 5 giới thiệu về Luật di sản văn hóa. Chương 6 cung cấp kiến thức về hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh và sự điều chỉnh bằng pháp luật đối với hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh. Chương 7 giới thiệu về vi phạm pháp luật trong lĩnh vực du lịch, trách nhiệm do vi phạm pháp luật. Chương 8 giới thiệu về hợp đồng và bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực du lịch.

2.6.70. [1130257], [Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật], [2TC]

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu học phần, người học có nhận thức đúng đắn về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước ta cũng như việc sử dụng, áp dụng văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình quản lý nhà nước. Người học cũng hình thành được các kỹ năng về vấn đề soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, đáp ứng với thực tiễn công tác sau này của ngành học.

2.6.71. [1130349], [Xây dựng và ban hành văn bản hành chính, tư pháp], [2TC]

Xây dựng và ban hành văn bản hành chính và tư pháp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp đối với hệ cử nhân Luật. Học phần

gồm có 05 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung, văn bản hành chính và tư pháp nói riêng; kỹ thuật soạn thảo, xây dựng và ban hành văn bản hành chính và tư pháp. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp người học hiểu và giải quyết tốt những vấn đề cụ thể trong thực tiễn hoạt động xây dựng và ban hành văn bản hành chính và tư pháp của công dân và nghiên cứu các môn học chuyên ngành khác.

2.6.72. [1130348], [Pháp luật về luật sư, công chứng, chứng thực và thừa phát lại], [2TC]

Học phần rèn luyện nghiệp vụ luật sư và công chứng cung cấp một số vấn đề lý luận về công chứng, chứng thực; thủ tục, thẩm quyền công chứng, chứng thực; khái niệm luật sư, nguyên tắc hành nghề luật sư; nội dung quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư, kỹ năng hành nghề luật sư và công chứng.

2.6.73. [1130345], [Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính], [2TC]

Kỹ năng giải quyết khiếu nại hành chính là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp. Học phần gồm có 05 chương nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính của công dân như: kỹ năng tiếp công dân; kỹ năng xác minh nội dung khiếu nại, tố cáo; kỹ năng tổ chức đối thoại; kỹ năng soạn thảo văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp người học hiểu và giải quyết tốt những vấn đề cụ thể trong thực tiễn hoạt động kỹ năng tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính của công dân và nghiên cứu các môn học chuyên ngành khác.

2.6.74. [1130264], [Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng], [2TC]

Học phần “Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng” là học phần bắt buộc trong khối kiến thức bổ trợ của chương trình đào tạo cử nhân ngành luật. Học phần này cung cấp những kỹ năng cơ bản trong đàm phán và soạn thảo hợp đồng như: giao kết hợp đồng, các phương thức đàm phán hợp đồng; những vấn đề cần quan tâm khi soạn thảo hợp đồng, kỹ năng soạn thảo các điều khoản trong hợp đồng.

2.6.75. [1130354], [Rèn luyện nghiệp vụ tố tụng], [2TC]

Học phần tập trung là rõ các kỹ năng trong một số nghiệp vụ của hoạt động tố tụng đối với thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên. Học phần nhằm giúp người học củng cố các kiến thức lý luận đồng thời hình thành các kỹ năng nghề trong một số hoạt động tố tụng khi tham gia giải quyết vụ án có liên quan.

2.6.76. [1130350], [Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự] [2TC]

- Học phần “Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự” là học phần bắt buộc trong chương trình đào

tạo cử nhân ngành luật, là môn học nhằm rèn luyện nghiệp vụ và kỹ năng hành nghề cho sinh viên ngành luật.

- Học phần này được thiết kế bao gồm 10 tiết học lý thuyết và 40 tiết thực hành với những nhiệm vụ thực hành cụ thể để rèn luyện các kỹ năng giải quyết các vụ việc dân sự.

2.6.77. [1130247], [Phương pháp nghiên cứu và lập luận trong khoa học pháp lý]

Môn học Phương pháp nghiên cứu và lập luận trong khoa học pháp lý nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng tư duy và ngôn ngữ như: kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập luận, tranh luận, phản biện, qua đó giúp người học biết nghĩ một cách sâu sắc, viết một cách chính xác, nói một cách thuyết phục. Đây là những kỹ năng rất cần thiết để đem lại cho mỗi người sự thành công trong công việc học tập, nghiên cứu, cũng như các hoạt động giao tiếp xã hội và các ngành nghề chuyên môn đặc thù, nhất là đối với nghề Luật - nơi mà các năng lực tư duy, ngôn ngữ và “tài ăn nói” có vai trò tiên quyết đối với sự thành đạt trong công việc và sự nghiệp.

2.6.78. [1130289], [Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự], [2TC]

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động chứng minh vụ án hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, cụ thể là các nội dung liên quan đến chứng cứ - cơ sở để chứng minh sự thật của vụ án hình sự, nguyên tắc chứng minh, trách nhiệm chứng minh, quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự. Theo đó học phần giúp cho người học hiểu được tầm quan trọng của chứng cứ và các nội dung cần được thực hiện để làm sáng tỏ sự thật trong vụ án hình sự, đảm bảo xét xử đúng người đúng tội, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

2.6.79. [1130276], [Nghiệp vụ thư ký tòa án], [2TC]

Học phần Nghiệp vụ Thư ký tòa án là học phần bắt buộc, nằm trong khối kiến thức bổ trợ đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp, giúp trang bị cho người học kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của Tòa án; chức năng, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của Thư ký tòa án; nghiệp vụ Thư ký tòa án. Thông qua việc nghiên cứu học phần, người học có cái nhìn cụ thể về công việc, kỹ năng cần có của người thư ký làm việc tại cơ quan tòa án các cấp, một lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với sinh viên chuyên ngành Luật. Đây là môn học mang tính định hướng nghề nghiệp nên được thiết kế đưa vào chương trình học của sinh viên năm cuối, sau khi đã hoàn thành hầu hết các môn luật.

2.6.80. [1130271], [Kỹ năng tư vấn pháp luật], [2TC]

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật nằm trong khối kiến thức bổ trợ về kỹ năng nghề nghiệp, giúp cung cấp cho người học các kiến thức về hoạt động tư vấn pháp luật, giúp người học phân

biệt được hoạt động tư vấn pháp luật với các hoạt động khác như nghiên cứu pháp luật, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cung cấp thông tin pháp luật; môn học còn nhằm mục đích hình thành các kỹ năng trong hoạt động tư vấn pháp luật, từ đó hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp. Đây là môn học mang tính định hướng nghề nghiệp nên được thiết kế đưa vào chương trình học của sinh viên năm cuối, sau khi đã hoàn thành hầu hết các môn luật chuyên ngành khác.

2.6.81. [1130351], [Kỹ năng tranh tụng], [2TC]

Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản để thực hiện hoạt động tranh tụng tại tòa án trong các vụ án hành chính, vụ án dân sự, vụ án hình sự. Bên cạnh đó học phần còn giúp người học củng cố các kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên môn về tố tụng hành chính, tố tụng dân sự, tố tụng hình sự, giúp người học tự

2.6.82. [1130258], [Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam]

Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là học phần nghiên cứu lý luận và thực tiễn chuyên sâu về mô hình nhà nước pháp quyền trong lịch sử tư tưởng nhân loại và ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay. Học phần tập trung vào quá trình nhận thức và phát triển tư duy lý luận cũng như thực tiễn xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta. Trên cơ sở nghiên cứu, vận dụng lý thuyết, tổng kết thực tiễn, học phần xác định những vấn đề đặt ra, quan điểm, phương hướng và hệ thống các nhóm giải pháp nhằm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong thời gian tới.

2.6.83. [1130272], [Thực tế chuyên môn], [1TC]

- Thực tế chuyên môn là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức bổ trợ đối với sinh viên Luật. Thông qua học phần này sinh viên có điều kiện trải nghiệm thực tế các kiến thức lý thuyết theo phương châm: "Học đi đôi với hành" "Lý luận gắn liền với thực tiễn", đồng thời rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên trước khi ra trường.

- Trong quá trình đi thực tế, sinh viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để tìm hiểu, phân tích thực trạng các hoạt động thực hành nghề Luật ở các điểm thực tế. Trên cơ sở đó, đối chiếu lý luận với thực tiễn để hoàn thiện và nâng cao một bước về nhận thức lý luận và thực hành nghiệp vụ nghề Luật đã được đào tạo. Thông qua các hoạt động thực tế chuyên môn, giúp sinh viên Luật nắm bắt được một số kỹ năng hành nghề và nuôi dưỡng hoài bão lập thân, lập nghiệp, thành danh sau khi tốt nghiệp.

2.6.84. [1130283], [Thực tập tốt nghiệp], [5TC]

- Đối với sinh viên, trình độ kiến thức là điều kiện cần nhưng chưa đủ. Ngoài kiến thức, sinh viên ngành Luật cần phải trau dồi kỹ năng thực hành để áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Vì vậy, các sinh viên năm thứ 4 được nhà trường tổ chức các đợt thực tập vào học kỳ II năm thứ 4 hàng năm. Qua quá trình thực tập, sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn chủ động áp dụng nó vào môi trường làm việc thực tế tại các cơ sở thực tập.

- Mục đích của đợt thực tập tốt nghiệp
- + Thâm nhập vào môi trường làm việc thực tế sau khi tốt nghiệp
- + Nâng cao nhận thức vai trò và trách nhiệm đối với ngành nghề
- + Tiếp cận và làm quen với các công việc liên quan đến chuyên ngành Luật
- + Tham gia làm các công việc mà đơn vị thực tập phân công
- + Tìm hiểu cơ quan, đơn vị cùng với những hoạt động liên quan đến chuyên ngành
- + Biết tổ chức thực hiện công việc cá nhân và theo nhóm
- + Sinh viên viết báo cáo chuyên đề thực tập tốt nghiệp

2.6.85. [1130359], [Khóa luận tốt nghiệp], [6TC]

2.6.86. [1130355], [Luật Đầu tư], [2TC]

Học phần trang bị cho người học những kiến thức khá toàn diện về chính sách và pháp luật về đầu tư kinh doanh. Nội dung chương trình học phần Pháp luật Đầu tư trang bị cho người học những quy định pháp luật của Nhà nước Việt Nam về bảo đảm đầu tư, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư, các hình thức đầu tư trong nước và đầu tư ra nước ngoài. Thông qua việc nghiên cứu học phần, người học có thể vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết một số tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn đầu tư kinh doanh.

2.6.87. [1130259], [Pháp luật Cộng đồng ASEAN], [2TC]

Pháp luật Cộng đồng ASEAN là môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các kiến thức pháp lý chuyên ngành về ASEAN. Thông qua những vấn đề này, môn học không chỉ cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về pháp luật Cộng đồng ASEAN mà còn trang bị cho người học những kiến thức pháp lý cụ thể và quan trọng về: Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), hợp tác quốc phòng, tương trợ tư pháp hình sự, hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; Khu vực thương mại tự do ASEAN, Khu vực đầu tư ASEAN, tự do hoá dịch vụ và lao động lành nghề; thu hẹp khoảng cách phát triển, xoá đói giảm nghèo, phát triển con người, xã hội và đảm bảo bền vững môi trường, tạo dựng bản sắc ASEAN; hợp tác ngoại khối; cơ chế giải quyết tranh chấp; thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam, vai trò của ASEAN trong phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo chủ quyền quốc gia và chủ trương, định hướng hội nhập ASEAN của Việt Nam.

2.6.88. [1130358], [Pháp luật về thi hành án], [2TC]

Học phần Pháp luật về thi hành án nằm trong nhóm học phần tự chọn, giúp sinh viên nắm bắt được phương pháp tiếp cận các nội dung, các lĩnh vực của thi hành án dân sự, hình sự và các cơ chế đảm bảo cho việc thi hành án. Ngoài ra, giúp rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy, sáng tạo, độc lập trong việc tiếp thu, nghiên cứu những vấn đề có tính lý luận và thực tiễn về thi hành án nói chung. Học phần cung cấp kiến thức về những bản chất, ý nghĩa, những nguyên tắc cơ bản, quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thi hành án dân sự, hình sự, là phần mở rộng, bổ trợ cho các môn Luật tố tụng dân sự, hình sự sinh viên đã được học.

2.6.89. [1130357], [Pháp luật sở hữu trí tuệ], [2TC]

Học phần Pháp luật sở hữu trí tuệ cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng liên quan đến quyền tác giả và quyền có liên quan; quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với giống cây trồng và các phương thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Học phần giúp cho sinh viên bước đầu có khả năng xử lý các tình huống liên quan đến sở hữu trí tuệ xảy ra trong thực tế.

2.6.90. [1130356], [Luật Ngân hàng], [2TC]

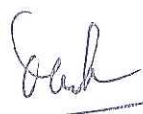
Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp luật trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam. Học phần đề cập những nội dung mang tính khái quát về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hệ thống tổ chức tín dụng, cũng như các hoạt động nghiệp vụ cơ bản diễn ra trong hệ thống ngân hàng. Cụ thể học phần Luật ngân hàng trang bị cho sinh viên những vấn đề pháp lý cơ bản trong hoạt động ngân hàng như pháp luật về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nhà nước; một số vấn đề pháp lý cơ bản về tổ chức tín dụng; một số vấn đề pháp lý cơ bản về hợp đồng tín dụng và một số vấn đề pháp lý cơ bản về bảo lãnh ngân hàng.

Bình Định, ngày tháng năm 2022

TRƯỜNG KHOA

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS. Đoàn Thế Hùng



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Luật
Tên tiếng Anh:	Law
Tên các chuyên ngành:	
Mã ngành:	7380101
Hình thức đào tạo:	Chính quy

Bình Định, 2022

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHQN ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Luật** Mã ngành: **7380101**
Tên tiếng Anh: **Law**
Tên các chuyên ngành:
Hình thức đào tạo: **Chính quy**

1. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Luật đạt chuẩn nghề nghiệp theo khung trình độ quốc gia bậc đại học, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp tốt, được trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật, thực tiễn pháp lý và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật; bước đầu có định hướng chuyên sâu và rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có thể giải quyết được các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, có khả năng thích ứng tốt với môi trường hành nghề luật năng động, nhiều áp lực.

1.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Cử nhân ngành Luật có khả năng:

- Về kiến thức

+ PO1: Có hiểu biết về khoa học chính trị cơ bản như triết học Mác – Lênin; Kinh tế - chính trị Mác – Lênin; đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng, đạo đức, văn hóa Hồ Chí Minh, giúp hình thành thế giới quan và phương pháp luận cho sinh viên khi tiếp cận và luận giải về các vấn đề hiện đại về nhà nước và pháp luật; Có hiểu biết cơ bản về rèn luyện sức khỏe thể chất, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quốc phòng – an ninh hình thành lòng yêu nước, tự hào dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ PO2: Có hiểu biết nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn liên quan trực tiếp đến ngành đào tạo như: Xã hội học pháp luật, Tâm lý học pháp luật, Logic học, Lịch sử nhà nước, pháp luật, các học thuyết chính trị - pháp lý, tin học, ngoại ngữ, khởi nghiệp để người học có thể vận dụng vào việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo và học tập suốt đời.

+ PO3: Có hiểu biết sâu sắc, hiện đại về nhà nước, pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế và kiến thức pháp luật chuyên ngành trong lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính, hiến pháp, thương mại, quốc tế.

- Về kỹ năng:

+ PO4: : Có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường và công việc chuyên môn, sử dụng được các chương trình công nghệ thông tin căn bản để phục vụ cho học tập và làm việc.

+ PO5: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình – thuyết phục, lập luận, tranh luận, phản biện, phê phán; lập kế hoạch, làm việc nhóm, lãnh đạo, quản lý thời gian, phát hiện và giải quyết vấn đề, soạn thảo văn bản hành chính, tư pháp, có khả năng khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và cho người khác; có khả năng khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và cho người khác;

+ PO6: Có kỹ năng thực hành nghề Luật như kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp dân sự, thương mại, tranh tụng, tư vấn pháp luật, đàm phán, soạn thảo hợp đồng; kỹ năng tra cứu, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn xã hội; kỹ năng nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu về Luật học.

- Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

+ PO7: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

+ PO8: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; có sáng kiến, khả năng tự định hướng, thích nghi và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường thay đổi.

+ PO9: Có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có ý thức phục vụ nhân dân, có trách nhiệm công dân; có tâm huyết với nghề luật, sống và làm việc theo pháp luật; chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm làm việc và trách nhiệm với xã hội.

1.3. Chuẩn đầu ra đối với ngành học (ký hiệu PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

1.3.1. Về kiến thức

+ Kiến thức chung:

1) PLO1: Diễn giải một cách khái quát các nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; nhận biết về các chính sách an ninh, quốc phòng, các kỹ năng chiến đấu cơ bản, biết sử dụng các loại vũ khí thông dụng; cho thấy cách thức tự rèn luyện sức khỏe và biết chơi ít nhất một môn thể thao.

2) PLO2: Chỉ ra quá trình hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật của Việt Nam, thế giới, các học thuyết chính trị - pháp lý tiêu biểu; giải thích các yếu tố tâm lý của các chủ thể pháp luật, mối quan hệ giữa pháp luật và xã hội; giải thích sự cần thiết của khởi nghiệp hành nghề luật và rèn luyện kỹ năng giao tiếp; tổng hợp lại các kiến thức cơ bản về tin học và ngoại ngữ.

+ Về kiến thức chuyên môn

3) PLO3: Tổng hợp lại có hệ thống các chế định pháp luật của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.

4) PLO4: Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn pháp lý các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế như Luật Hiệp pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật dân sự, Luật Tố tụng dân sự, Luật Thương mại, Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế...

5) PLO5: Đánh giá hiện trạng pháp lý và thực tiễn thực thi hành một số chế định pháp luật trong các ngành luật của hệ thống pháp luật Việt Nam để đề xuất bộ giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành và bảo vệ pháp luật.

1.3.2. Về kỹ năng

+ Kỹ năng chung

6) PLO6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam để giao tiếp thông thường và giao tiếp một số vấn đề cơ bản về chuyên môn, đọc hiểu một số tài liệu chuyên ngành; có khả năng sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm công nghệ thông tin cơ bản để làm việc và tra cứu tài liệu.

7) PLO7: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình – thuyết phục, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; có kỹ năng lập luận, tranh luận, phản biện, phê phán; kỹ năng lập kế hoạch, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

8) PLO8: Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác; phát hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp.

+ *Kỹ năng chuyên môn*

9) PLO9: Có kỹ năng tìm kiếm, tra cứu, vận dụng các quy định pháp luật và kiến thức khoa học pháp lý để giải quyết các tình huống, vụ việc pháp lý phức tạp trong những bối cảnh khác nhau.

10) PLO10: Có kỹ năng thực hành nghề Luật như kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp dân sự, thương mại, tư vấn pháp luật, đàm phán, soạn thảo hợp đồng, văn bản hành chính, tư pháp.

11) PLO11: Có khả năng đánh giá tình hình, thực trạng và thực tiễn thi hành pháp luật hiện nay ở Việt Nam và có thể so sánh, đối chiếu với một số nước trong khu vực và thế giới.

12) PLO12: Có kỹ năng xác định được những vấn đề cần nghiên cứu trong lĩnh vực Luật học, viết báo cáo nghiên cứu tổng quan, xây dựng giả thiết khoa học, thu thập dữ liệu, phân tích và giải thích kết quả nghiên cứu và đưa ra kết luận.

1.3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

13) PLO13: Chứng tỏ khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; có khả năng tự học, tự nghiên cứu tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

14) PLO14: Có phẩm chất chính trị, sức khỏe tốt, có đạo đức nghề nghiệp; có ý thức phục vụ nhân dân; có tâm huyết với nghề luật, sống và làm việc theo pháp luật; có trách nhiệm công dân và trách nhiệm với xã hội góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
PO1	x		x	x			x					x		x

PO2		x		x		x	x	x	x				x	
PO3			x	x			x	x	x		x		x	x
PO4			x		x	x				x	x	x		
PO5		x	x	x	x		x		x	x			x	
PO6			x	x			x		x	x			x	x
PO7	x	x		x	x	x	x			x			x	
PO8	x	x	x			x	x		x				x	x
PO9	x		x	x					x	x			x	x

1.4. Nội dung đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ lên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					L T	B T	T L						
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương (24TC)					(Chưa bao gồm 3 tín chỉ GDTC và 9 tín chỉ GDQP-AN)								
Phần bắt buộc													
1.1. Khoa học chính trị và pháp luật (13TC)													
1	1130299	Triết học Mác-Lê nin	1	3	40		10			90		LLCT, L & QLNN	
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	27		6			60	1130299	LLCT, L & QLNN	
3	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6			60	1130300	LLCT, L & QLNN	
4	1130302	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4	2	27		6			60	1130301	LLCT, L & QLNN	
5	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6			60	1130302	LLCT, L & QLNN	
6	1130246	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3	2	30					60		LLCT, L & QLNN	

I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục QP-AN (12TC)				ĐK									
I.2.1. Giáo dục thể chất: Sinh viên chọn 1 trong 7 nhóm GDTC sau				3									
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)	1	1	4			26		30		GDTC-QP	
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)	2	1	4			26		30	1120172	GDTC-QP	
9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)	3	1	4			26		30	1120173	GDTC-QP	
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)	1	1	4			26		30		GDTC-QP	
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)	2	1	4			26		30	1120175	GDTC-QP	
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)	3	1	4			26		30	1120176	GDTC-QP	
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)	1	1	4			26		30		GDTC-QP	
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)	2	1	4			26		30	1120178	GDTC-QP	
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)	3	1	4			26		30	1120179	GDTC-QP	
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)	1	1	4			26		30		GDTC-QP	
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)	2	1	4			26		30	1120181	GDTC-QP	
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)	3	1	4			26		30	1120182	GDTC-QP	
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*)	1	1	4			26		30		GDTC-QP	
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*)	2	1	4			26		30	1120184	GDTC-QP	
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*)	3	1	4			26		30	1120185	GDTC-QP	
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)	1	1	4			26		30		GDTC-QP	

23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)	2	1	4			26		30	1120187	GDTC-QP	
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)	3	1	4			26		30	1120188	GDTC-QP	
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)	1	1	4			26		30		GDTC-QP	
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)	2	1	4			26		30	1120190	GDTC-QP	
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)	3	1	4			26		30	1120191	GDTC-QP	
I.2.2. Giáo dục Quốc phòng – An ninh				9									
28	1120168	Giáo dục Quốc phòng-AN 1(*)	2	3	37		8			82		GDTC-QP	
29	1120169	Giáo dục Quốc phòng-AN 2(*)	2	2	22		8			52		GDTC-QP	
30	1120170	Giáo dục Quốc phòng-AN 3(*)	2	2	14			16		44		GDTC-QP	
31	1120171	Giáo dục Quốc phòng-AN 4(*)	2	2	4			56		36		GDTC-QP	
I.3. Ngoại ngữ (7TC)													
32	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	45					90		NN	
33	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	60					120	1090061	NN	
I.4. KHXH/Toán, KHTN – Môi trường, KH quản lý (4TC)													
34	1150422	Khởi nghiệp	5	2	20	5	10			60		TCNH-QTKD	
35	2030003	Kỹ năng giao tiếp	2	2	18		4	20		60		KHXH-NV	
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (111 TC)													
II.1 Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành (32TC)													
36	1050241	Tin học cơ sở (Xã hội)	1	3	24	6		30		90		CNTT	
37	1130341	Lịch sử các học thuyết chính	3	2	30					60		LLCT, L	

		trị - pháp lý										& QLNN	
38	1100276	Xã hội học pháp luật	3	2	20	5	10			60		KHXXH&N V	
39	1100275	Tâm lý học tư pháp	2	2	25	2	6			60		KHXXH&N V	
40	1130033	Lôgic học	2	2	25		10			60		LLCT, L & QLNN	
41	1130240	Lý luận nhà nước và pháp luật	1	3	40	2	6			90		LLCT, L & QLNN	
42	1130339	Lý luận và pháp luật về quyền con người	3	2	27		6			60	1130241	LLCT, L & QLNN	
43	1130337	Những quy định chung về Luật Dân sự	1	2	20	5	10			60		LLCT, L & QLNN	
44	1130244	Luật Hình sự - Phần chung	2	3	32	10	6			90		LLCT, L & QLNN	
45	1130241	Luật Hiến pháp	1	3	40	2	6			90		LLCT, L & QLNN	
46	1130335	Luật Hành chính	2	3	35	7	6			90		LLCT, L & QLNN	
47	1130256	Công pháp quốc tế	5	3	40	2	6			90		LLCT, L & QLNN	
48	1130262	Tư pháp quốc tế	6	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
II.2 Khối kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có) (41 TC)													
II.2.1. Kiến thức ngành (28TC)													
II.2.1a. Phần bắt buộc													
49	1130360	Luật Hình sự - Phần các tội phạm	3	3	32	10	6			90	1130244	LLCT, L & QLNN	
50	1130268	Tội phạm học	7	2	30					60	1130343	LLCT, L & QLNN	
51	1130245	Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế	3	2	20	7	6			60	1130337	LLCT, L & QLNN	
52	1130250	Pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự	4	2	20	7	6			60	1130245	LLCT, L & QLNN	

53	1130343	Luật Tổ tụng hình sự	4	3	32	10	6			90	1130360	LLCT, L & QLNN	
54	1130260	Luật Tổ tụng dân sự	6	2	25	2	6			60	1130250	LLCT, L & QLNN	
55	1130253	Luật Tổ tụng hành chính	4	2	23	4	6			60	1130335	LLCT, L & QLNN	
56	1130261	Luật Hôn nhân và gia đình	5	2	20	7	6			60		LLCT, L & QLNN	
57	1130340	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
58	1130254	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	4	2	25	5				60	1130340	LLCT, L & QLNN	
59	1130347	Pháp luật cạnh tranh	6	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
<i>II.2.1b. Phần tự chọn: 4TC/6TC</i>													
60	1130275	Luật thương mại quốc tế	5	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
61	1130267	Pháp luật về môi trường	5	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
62	1130291	Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo	5	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
<i>II.2.2. Kiến thức chuyên ngành (nếu có) (13TC)</i>													
<i>II.2.2a. Phần bắt buộc</i>													
63	1130346	Luật Lao động	6	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
64	1130342	Luật Đất đai	4	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
65	1130352	Pháp luật an sinh xã hội	7	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
66	1130344	Pháp luật tài chính	5	3	40	5				90		LLCT, L & QLNN	
<i>II.2.2b. Phần tự chọn: 4TC/6TC</i>													
67	1130277	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	7	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	

68	1130353	Pháp luật về thương mại điện tử	7	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
69	1130269	Pháp luật về du lịch	7	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
II.3. Kiến thức bổ trợ (32TC)													
<i>Các học phần bắt buộc</i>													
II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp													
70	1130257	Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật	3	2	20	5	10			60		LLCT, L & QLNN	
71	1130349	Xây dựng và ban hành văn bản hành chính, tư pháp	6	2	20			20		60		LLCT, L & QLNN	
72	1130348	Pháp luật về luật sư, công chứng, chứng thực và thừa phát lại	6	2	30					60		LLCT, L & QLNN	
73	1130345	Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính	6	2	20			20		60		LLCT, L & QLNN	
74	1130264	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	7	2	25			10		60	1130254	LLCT, L & QLNN	
75	1130354	Rèn luyện nghiệp vụ tổ tụng	7	2	20			20		60	1130260	LLCT, L & QLNN	
76	1130350	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự	7	2	20			20		60	1130260	LLCT, L & QLNN	
77	1130247	Phương pháp nghiên cứu và lập luận trong khoa học pháp lý	4	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
78	1130289	Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự	5	2	25	2	6			60	1130343	LLCT, L & QLNN	
79	1130276	Nghiệp vụ thư ký tòa án	6	2	20			20		60		LLCT, L & QLNN	
80	1130271	Kỹ năng tư vấn pháp luật	7	2	25			10		60		LLCT, L & QLNN	
81	1130351	Kỹ năng tranh tụng	7	2	20			20		60	1130343	LLCT, L & QLNN	
82	1130258	Xây dựng nhà nước pháp	4	2	30					60		LLCT, L	

		quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam															& QLNN	
II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp																		
83	1130272	Thực tế chuyên môn	6	1					TT								LLCT, L & QLNN	
84	1130283	Thực tập tốt nghiệp	8	5					TT	90	1130354						LLCT, L & QLNN	
II.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế																		
85	1130359	Khóa luận tốt nghiệp	8	6				180	KL	180							LLCT, L & QLNN	
	Học phần thay thế		8	6														
	Học phần bắt buộc			2														
86	1130355	Luật Đầu tư	8	2	25	5				60	1130254						LLCT, L & QLNN	
	Học phần tự chọn 4TC/8TC		8	4														
87	1130259	Pháp luật Cộng đồng ASEAN	8	2	25	5				60	1130256						LLCT, L & QLNN	
88	1130358	Pháp luật về thi hành án	8	2	25	5				60	1130260 1130343						LLCT, L & QLNN	
89	1130357	Pháp luật sở hữu trí tuệ	8	2	25	5				60	1130250						LLCT, L & QLNN	
90	1130356	Luật Ngân hàng	8	2	25	5				60	1130254						LLCT, L & QLNN	
Tổng cộng				135														

Ghi chú: (*) – Học phần điều kiện

Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của ngành học

Khối kiến thức	Số TC	Tỉ lệ (%)	PLOs													
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	36	24,5														
1.1	Khoa học chính trị và pháp luật	13	36,11	M	M	M	M	M	-	-	-	-	-	M	-	M	M
1.2	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN	12	33,33	M	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M	M
1.3	Ngoại ngữ	7	19,45	-	M	-	-	-	M	M	-	-	M	M	-	M	-
1.4	KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý	4	11,11	-	M	-	-	-	-	M	M	-	M	-	-	M	-
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	111	75,5														
2.1	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	32	28,83	-	M	H	H	M	-	M	-	-	-	-	L	M	L
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành	42	37,84	-	-	H	H	L	M	M	-	H	M	L	L	M	H
2.3	Kiến thức bổ trợ	31	27,93	-	-	H	H	-	L	H	M	H	M	-	-	H	H
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	5,40	M	L	H	H	M	M	M	M	H	-	H	M	M	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

1.5. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						

1	1130299	Triết học Mác – Lênin	3	40		10			90		LLCT, L & QLNN	
2	1130240	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	40	2	6			90		LLCT, L & QLNN	
3	1090061	Tiếng Anh 1	3	45					90		NN	
4	1130241	Luật Hiến pháp	3	40	2	6			90		LLCT, L & QLNN	
5	1130337	Những quy định chung về Luật Dân sự	2	25		10			60		LLCT, L & QLNN	
6	1050241	Tin học cơ sở (Xã hội)	3	24	6		30		90		CNTT	
Chọn 1 trong 7 học phần GDTC												ĐK
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)	1	4			26				GDTC-QP	
8	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)	1	4			26				GDTC-QP	
9	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)	1	4			26				GDTC-QP	
10	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)	1	4			26				GDTC-QP	
11	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*)	1	4			26				GDTC-QP	
12	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)	1	4			26				GDTC-QP	
13	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)	1	4			26				GDTC-QP	
TỔNG CỘNG: 18TC (17BB+0TC) và 01 GDTC			18									

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, tự học)	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL					

								BTL)				
1	1130300	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	27		6			60	1130299	LLCT, L & QLNN	
2	1090166	Tiếng Anh 2	4	60					120	1090061	NN	
3	1130335	Luật Hành chính	3	35	7	6			90		LLCT, L & QLNN	
4	1130244	Luật Hình sự - Phần chung	3	32	10	6			90		LLCT, L & QLNN	
5	2030003	Kỹ năng giao tiếp	2	18		4	20		60			
6	1130033	Lôgic học	2	20	5	10			60		LLCT, L & QLNN	
7	1100275	Tâm lý học tư pháp	2	25	2	6			60		KHXXH & NV	
Chọn 1 trong 7 học phần GDTC												
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)	1	4			26		21	1120172	GDTC-QP	
9	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)	1	4			26		21	1120175	GDTC-QP	
10	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)	1	4			26			1120178	GDTC-QP	
11	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)	1	4			26		21	1120181	GDTC-QP	
12	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*)	1	4			26		21	1120184	GDTC-QP	
13	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)	1	4			26		21	1120187	GDTC-QP	
14	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)	1	4			26		21	1120190	GDTC-QP	
TỔNG CỘNG: 19 TC (18BB+0TC) và 01GDTC			19									

Ghi chú: (*) – Học phần điều kiện
Học kỳ 3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khá c (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27		6			60	1130300	LLCT, L & QLNN	
2	1130246	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	30					60		LLCT, L & QLNN	
3	1130341	Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý	2	30					60		LLCT, L & QLNN	
4	1130245	Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế	2	20	7	6			60	1130337	LLCT, L & QLNN	
5	1130360	Luật Hình sự - Phần các tội phạm	3	32	10	6			90	1130244	LLCT, L & QLNN	
6	1130340	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
7	1100276	Xã hội học pháp luật	2	20	5	10			60		KHXXH & NV	
8	1130339	Lý luận và pháp luật về quyền con người	2	27		6			60	1130241	LLCT, L & QLNN	
9	1130257	Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật	2	20	5	10			60		LLCT, L & QLNN	
Chọn 1 trong 7 học phần GDTC												
10	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)	1	4			2 6		21	1120173	GDTC-QP	
11	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)	1	4			2 6		21	1120176	GDTC-QP	
12	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)	1	4			2 6		21	1120179	GDTC-QP	
13	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)	1	4			2 6		21	1120182	GDTC-QP	
14	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền	1	4			2		21	1120185	GDTC-	

		<i>Việt Nam 3) (*)</i>					6				QP	
15	1120189	<i>Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)</i>	1	4			2 6		21	1120188	GDTC- QP	
16	1120192	<i>Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)</i>	1	4			2 6		21	1120191	GDTC- QP	
TỔNG CỘNG: 20TC (19BB+0TC) và 01 GDTC			20									

Ghi chú: (*) – Học phần điều kiện

Học kỳ 4:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1130302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	27		6			60	1130301	LLCT, L & QLNN	
2	1130247	Phương pháp nghiên cứu và lập luận trong khoa học pháp lý	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
3	1130250	Pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự	2	20	7	6			60	1130245	LLCT, L & QLNN	
4	1130253	Luật Tổ tụng hành chính	2	23	4	6			60	1130335	LLCT, L & QLNN	
5	1130254	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	25	5				60	1130340	LLCT, L & QLNN	
6	1130258	Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	30					60		LLCT, L & QLNN	
7	1130343	Luật Tổ tụng hình sự	3	32	10	6			90	1130360	LLCT, L & QLNN	
8	1130342	Luật Đất đai	2	25	5				60		LLCT, L	

											& QLNN	
9	1120095	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1(*)	3	37		8			82		GDTC-QP	ĐK
10	1120096	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2(*)	2	22		8			52		GDTC-QP	ĐK
11	1120097	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3(*)	2	14			16		44		GDTC-QP	ĐK
12	1120097	Giáo dục quốc phòng-An ninh 4(*)	2	4			56		36		GDTC-QP	ĐK
TỔNG CỘNG: 26TC (17BB+0TC) và 09GDQP-AN			26									

Học kỳ 5:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
Các học phần bắt buộc			14									
1	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	27		6			60	1130302	LLCT, L & QLNN	
2	1130256	Công pháp quốc tế	3	40	2	6			90		LLCT, L & QLNN	
3	1130344	Pháp luật tài chính	3	40	5				90		LLCT, L & QLNN	
4	1130261	Luật Hôn nhân và gia đình	2	20	7	6			60		LLCT, L & QLNN	
5	1150422	Khởi nghiệp	2	20	5	10			60		LLCT, L & QLNN	
6	1130289	Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự	2	25	2	6			90	1130343	LLCT, L & QLNN	
7	Các học phần tự chọn: chọn 4TC/6 TC		4								LLCT, L & QLNN	
8	1130275	Luật thương mại quốc tế	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	

9	1130267	Pháp luật về môi trường	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
10	1130291	Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
TỔNG CỘNG: 18TC (14BB+4TC)			18									

Học kỳ 6:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1130262	Tư pháp quốc tế	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
2	1130260	Luật Tổ tụng dân sự	2	25	2	6			60	1130250	LLCT, L & QLNN	
3	1130346	Luật Lao động	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
4	1130349	Xây dựng và ban hành văn bản hành chính, tư pháp	2	20			20		60		LLCT, L & QLNN	
5	1130348	Pháp luật về luật sư, công chứng, chứng thực và thừa phát lại	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
6	1130347	Pháp luật cạnh tranh	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
7	1130345	Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính	2	20			20		60		LLCT, L & QLNN	
8	1130276	Nghiệp vụ thư ký tòa án	2	20			20		60		LLCT, L & QLNN	
9	1130272	Thực tế chuyên môn	1					TT			LLCT, L & QLNN	
TỔNG CỘNG: 17TC (17BB+0TC)			17									

Học kỳ 7:

TT	Mã	Tên học phần	Số	Giờ trên lớp	TN/	Khác	Gi	Mã HP	Khoa	Ghi
----	----	--------------	----	--------------	-----	------	----	-------	------	-----

	học phần		tín chỉ	LT	BT	TL	TH	(TT, ĐA, BTL)	ờ tự học	học trước	quản lý HP	chú
<i>Các học phần bắt buộc</i>			14									
1	1130354	Rèn luyện nghiệp vụ tổ tụng	2	20			20		60	1130260	LLCT, L & QLNN	
2	1130268	Tội phạm học	2	30					60	1130343	LLCT, L & QLNN	
3	1130351	Kỹ năng tranh tụng	2	20			20		60	1130343	LLCT, L & QLNN	
4	1130264	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2	25			10		60	1130254	LLCT, L & QLNN	
5	1130350	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự	2	20			20		30	1130260	LLCT, L & QLNN	
6	1130352	Pháp luật an sinh xã hội	2	25	5				60		LLCT, L & QLNN	
7	1130271	Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	25			10		60		LLCT, L & QLNN	
<i>Các học phần tự chọn: chọn 4TC/6 TC</i>			4									
8	1130277	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
9	1130353	Pháp luật về thương mại điện tử	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
10	1130269	Pháp luật về du lịch	2	27	3				60		LLCT, L & QLNN	
TỔNG CỘNG: 18TC (14BB+4TC)			18									

Học kỳ 8:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/ TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1130283	Thực tập tốt nghiệp	5					TT	90	1130345	LLCT, L	

											& QLNN	
Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp												
2	1130359	Khóa luận tốt nghiệp	6				180	KL	180		LLCT, L & QLNN	
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (6TC)												
	Học phần bắt buộc		2									
3	1130355	Luật Đầu tư	2	25	5				60	1130254	LLCT, L & QLNN	
	Học phần tự chọn 4TC/8TC		4									
4	1130259	Pháp luật Cộng đồng ASEAN	2	25	5				60	1130256	LLCT, L & QLNN	
5	1130358	Pháp luật về thi hành án	2	25	5				60	1130260 1130343	LLCT, L & QLNN	
6	1130357	Pháp luật sở hữu trí tuệ	2	25	5				60	1130250	LLCT, L & QLNN	
7	1130356	Luật Ngân hàng	2	25	5				60	1130254	LLCT, L & QLNN	
TỔNG CỘNG: 11TC (7BB+4TC)			11									

1.6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

STT	Mã HP	Tên HP	PLOs													
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	1130299	Triết học Mác – Lênin	M	L	L				M					L	L	H
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	M	L	L				M					L	L	H
3	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	M	L	L				M					L	L	H

4	1130302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	M					M		M						L	H
5	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	M						M		M					M	M
6	1130246	Lịch sử nhà nước và pháp luật	L	H	L				M							L	M
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)	H	L					L							M	H
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	H	L					L							M	H
9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)	H	L					L							M	H
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)	H	L					L							M	H
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)	H	L					L							M	H
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)	H	L					L							M	H
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	H	L					L							M	H
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	H	L					L							M	H
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	H	L					L							M	H
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	H	L					L							M	H
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	H	L					L							M	H
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	H	L					L							M	H
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	H	L					L							M	H
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	H	L					L							M	H
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	H	L					L							M	H
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	H	L					L							M	H
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	H	L					L							M	H

24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	H	L					L						M	H
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	H	L					L						M	H
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	H	L					L						M	H
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	H	L					L						M	H
28	1120168	Giáo dục Quốc phòng-AN 1	M						L						L	H
29	1120169	Giáo dục Quốc phòng -AN 2	M						L						L	H
30	1120170	Giáo dục Quốc phòng-AN 3	M						L						L	H
31	1120171	Giáo dục Quốc phòng-AN 4	M						L						L	H
32	1090061	Tiếng Anh 1		M				H	M			L		M		
33	1090166	Tiếng Anh 2		M				H	M			L		M		
34	1150422	Khởi nghiệp		H					M	M		M			L	M
35	2030003	Kỹ năng giao tiếp		H					M			M			L	
36	1050241	Tin học cơ sở (Xã hội)		H				M	M		M	M		M	L	
37	1130341	Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý	M	H	M		L		L				L		L	
38	1100276	Xã hội học pháp luật		H	M	L	L		L			L			L	
39	1100275	Tâm lý học tư pháp	L	H					L			M			L	
40	1130033	Logic học		H	M	M	M							M	L	
41	1130240	Lý luận nhà nước và pháp luật	M		H	L			M		L			L	M	M
42	1130339	Lý luận và pháp luật về quyền con người			H	M			M		M		L		M	M
43	1130337	Những quy định chung về Luật dân sự			H	M		L	M		M		L		L	M

44	113024 4	Luật Hình sự - Phần chung			H	M		L	M		M		L		L	M
45	113024 1	Luật Hiến pháp			H	M		L	M		M		L		L	M
46	113033 5	Luật Hành chính			H	M		L	M		M		L		L	M
47	113025 6	Công pháp quốc tế			H	M		L	M		M		L		L	M
48	113026 2	Tư pháp quốc tế			H	M		L	M		M		L		L	M
49	113036 0	Luật Hình sự - Phần các tội phạm			H	M	L		M		M	L	L	L	M	M
50	113026 8	Tội phạm học		L	M	M	L		M				H		M	
51	113024 5	Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế			H	M	L	L	M		H	L	L		L	H
52	113025 0	Pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự			H	M	L	L	M		H	L	L	M	L	H
53	113034 3	Luật Tổ tụng hình sự			H	M			M		M	L			M	M
54	113026 0	Luật Tổ tụng dân sự			H	M			M		M	L			M	M
55	113025 3	Luật Tổ tụng hành chính			H	M			M		M	L			M	M
56	113026 1	Luật Hôn nhân và gia đình			H	H			M		H	M			M	H
57	1130340	Pháp luật về chủ thể kinh doanh			H	M			M	L	M	L		L	M	H
58	1130254	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ			H	M	L	L	M		H	M		L	M	H
59	1130347	Pháp luật cạnh tranh			H	M		L	M		M	L	L			M
60	1130275	Luật thương mại quốc tế			H	M		M	L		M	L	L		M	M
61	1130267	Pháp luật về môi trường			H	M	L		M		H			M	M	
62	1130291	Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố			H	M	L		M		H	M			M	H

		cáo														
63	1130346	Luật lao động			H	H			M		H	L	L		L	H
64	1130342	Luật đất đai			H	M	L		M		M	L		M	M	M
65	1130352	Pháp luật an sinh xã hội			H	M			M		H	M	L			M
66	1130344	Pháp luật tài chính			H	M			M		M	L	L		L	M
67	1130277	Pháp luật về kinh doanh bất động sản			H	M			M		M	M	L		L	H
68	1130353	Pháp luật về thương mại điện tử			H	M	M		M		H	L	L		L	M
69	1130269	Pháp luật về du lịch			H	M			M		H		L		M	M
70	1130257	Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật			M	M		M	M		H	M			L	M
71	1130349	Xây dựng và ban hành văn bản hành chính và tư pháp			M	M		M	M		H	M			L	M
72	1130348	Pháp luật về luật sư, công chứng, chứng thực và thừa phát lại			H	L	L		M	M	H	L			L	H
73	1130345	Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính			H	M			M	L	H	M			M	H
74	1130264	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng			H	L		L	M	L	H				H	M
75	1130354	Rèn luyện nghiệp vụ tổ tụng			H	H	L		H	M	H	M	L		H	H
76	1130350	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự			H	H	L		H	M	H	M	L		H	H
77	1130247	Phương pháp nghiên cứu và lập luận trong khoa học pháp lý	L	L	L	M			H		L	M				
78	1130289	Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự			M			L	M	L	H	M			H	H
79	1130276	Nghiệp vụ thư ký tòa án			H			L	M	M	H	M			H	H
80	1130271	Kỹ năng tư vấn pháp luật			H	H			H	M	H	H	M		H	H
81	1130351	Kỹ năng tranh tụng			H	H			L	L	H	M			M	H
82	1130258	Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam	M	L	M				M				M			H

83	113027 2	Thực tế chuyên môn			H	M	M			M			L	M	M	M
84	113028 3	Thực tập tốt nghiệp			H	H	M	L	H	M	H	M	M	M	H	H
85	1130359	Khóa luận tốt nghiệp	M	M	H	H	M	M	H	M	H	M	M	M	H	H
86	1130355	Luật Đầu tư			H	M		L	M		H	L			M	H
87	1130259	Pháp luật Cộng đồng ASEAN			H	M		L	M		H				L	M
88	1130358	Pháp luật về thi hành án			H	M			M		H				L	M
89	1130357	Pháp luật sở hữu trí tuệ			H	H		L	M		H	L	L		L	H
90	1130356	Luật Ngân hàng			H	H		L	M		M	L	L		M	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

1.7. Phương pháp đánh giá

* Thang điểm đánh giá:

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

* Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

a. Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Quá trình học tập	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i>	30%
		<i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giảng viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>	40%
		<i>* Sinh viên làm 1 hoặc nhiều bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết hoặc thuyết trình) theo các trọng số khác nhau tùy thuộc độ khó theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề. * Các bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập</i>	50%

		lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn: nội dung, hình thức, thể hiện bài báo cáo theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. * Các bài thực hành theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài thực hành: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	
2	Thi kết thúc học phần	Thi kết thúc học phần * Hình thức thi: Viết/vấn đáp. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề. * Hình thức thi: Thực hành. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề. * Hình thức thi: Bài báo cáo - Tiêu chí đánh giá bài thi: nội dung, hình thức, vấn đáp bài báo cáo.	70% hoặc 60% hoặc 50%

b. Học phần thí nghiệm - thực hành

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành. Điểm trung bình cộng các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

c. Học phần đề án môn học, thực tập nhận thức, thực tập tốt nghiệp

30% điểm quá trình; 70% điểm thể hiện báo cáo thực tập tốt nghiệp.

d. Học phần khóa luận tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1487/QĐ-ĐHQN ngày 01/7/2021 của Trường Đại học Quy Nhơn.

*** Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Luật được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I. Đánh giá tiến trình														
1. Đánh giá chuyên cần													x	x
2. Đánh giá giải bài tập			x	x	x		x		x				x	x
3. Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x		x	x	x	x		x	x	
4. Đánh giá làm việc nhóm			x	x	x	x	x	x	x	x			x	x
5. Đánh giá các bài kiểm tra	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x
6. Đánh giá bài thực hành			x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	
II. Đánh giá tổng kết														
7. Kiểm tra viết	x		x	x	x				x					
8. Kiểm tra trắc nghiệm	x		x	x	x									
9. Bảo vệ và thi vấn đáp	x		x	x	x				x	x	x	x	x	

10. Đánh giá báo cáo (nội dung và kiểm tra vấn đáp)	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	
11. Đánh giá thuyết trình			x	x			x	x	x					
12. Đánh giá làm việc nhóm						x	x	x					x	

2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

[Phụ lục]

TRƯỜNG KHOA

Đinh
PGS. TS. Đoàn Chế Hùng

Bình Định, ngày tháng năm 2022
TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Ngọc Mỹ



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ